

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN VIX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 189/2024/VIX-CBTT

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam  
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

**Mã chứng khoán:** VIX

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Điện thoại: (024) 4456 8888, số máy lẻ: 5103; Fax: (024) 3978 5379

Người thực hiện công bố thông tin: Dư Văn Toàn

Email: info@vixs.vn

**Loại thông tin công bố:**

24 giờ  72 giờ  07 ngày  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần chứng khoán VIX (“VIX”) công bố thông tin định kỳ: **Báo cáo thường niên năm 2023.**

Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VIX vào ngày 25/03/2024 theo đường dẫn sau:

<https://vixs.vn/bao-cao>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VIX



**DƯ VĂN TOÀN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**

Tầng 22, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tel: 024.44568888 – Website: <https://vixs.vn>

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2023**

Số: 188/2024/VIX-BC

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	3
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM	10
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	18
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	22
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023	33

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007

Vốn điều lệ tại 31/12/2023: 6.694.447.250.000 đồng

Địa chỉ: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (024) 4456 8888

Số Fax: (024) 3978 5380

Website: <http://www.vixs.vn>

Mã cổ phiếu: VIX

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (Công ty/VIX) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 300.000.000.000 đồng. Cùng ngày, Công ty cũng được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/UBCK-GCN. Từ đó đến nay, VIX đã trải qua nhiều sự kiện quan trọng, cụ thể:

- Ngày 24/12/2009: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có quyết định số 1036/QĐ – SGDHN chấp thuận cho cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VIX. Ngày 29/12/2009 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VIX.
- Ngày 01/12/2010: Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 374/UBCK-GP chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh và đặt tại Tầng L2, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Ngày 06/05/2011: Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành. Cũng trong năm 2011, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK đặt tại Tầng 5+6, Số 37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Năm 2014, đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty khi đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán IB (IBSC) theo Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 21/05/2014 và chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Gelex, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, ngày 20/10/2020 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán VIX theo giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK. Cùng với bộ nhận diện thương hiệu mới, sự thay đổi này đánh dấu một bước phát triển mới trong hoạt động của Công ty.
- Ngày 08/01/2021, Công ty chính thức chuyển niêm yết từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

- Ngày 17/11/2021, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 103/GPĐC-UBCK với vốn điều lệ 2.745.952.290.000 đồng.
- Ngày 27/09/2022, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 92/GPĐC-UBCK với vốn điều lệ mới là 5.821.391.890.000 đồng.
- Ngày 26/06/2023, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 52/GPĐC-UBCK với vốn điều lệ mới là 6.694.447.250.000 đồng.

VIX hiện là thành viên giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) và thành viên giao dịch trái phiếu của HNX.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **➤ *Ngành nghề kinh doanh:***

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

### **➤ *Địa bàn kinh doanh:***

Năm 2023, VIX chỉ có một địa bàn kinh doanh tại Trụ sở chính Công ty: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

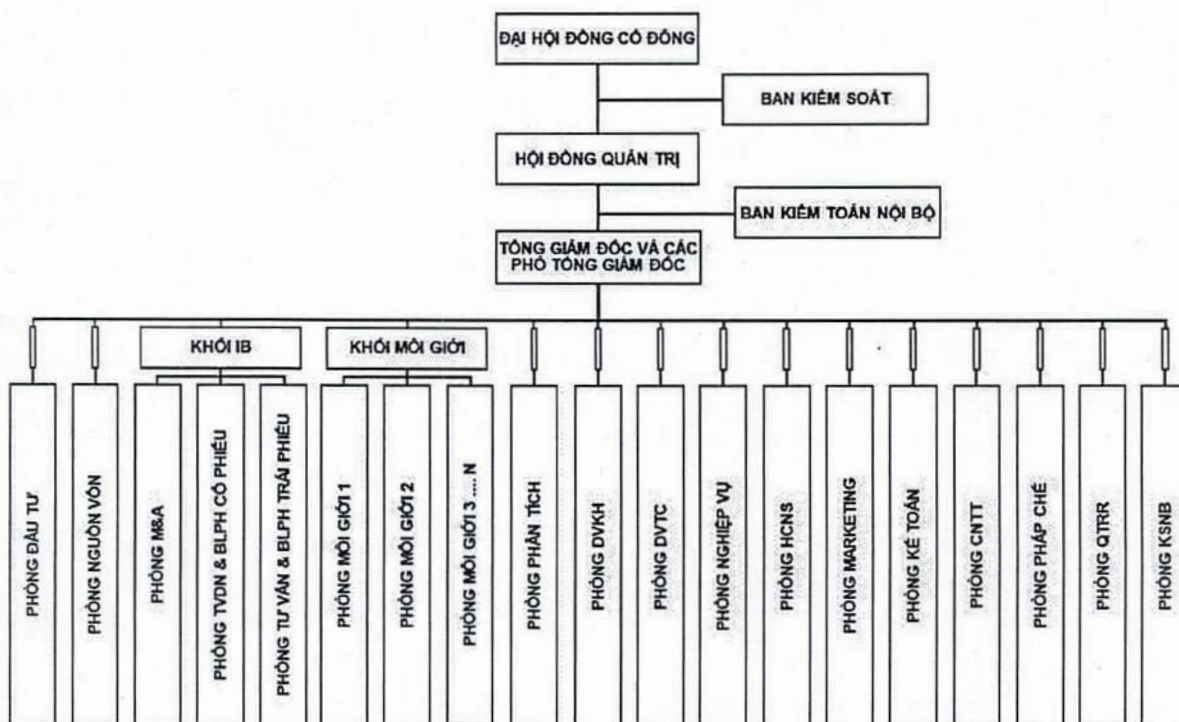
## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **➤ *Mô hình quản trị***

VIX tổ chức quản lý và hoạt động tuân thủ theo quy định tại Điều 137- Luật Doanh nghiệp, mô hình cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Trong đó, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

### **➤ *Cơ cấu bộ máy quản lý***

Cho đến ngày 31/12/2023, Công ty áp dụng mô hình tổ chức như sau:



Chức năng và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### 4. Định hướng phát triển

Công ty hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển Thị trường Chứng khoán do Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý ban hành. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông và người lao động trong Công ty. Phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một trong những công ty chứng khoán với dịch vụ tốt nhất và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và văn hoá kinh doanh lành mạnh.

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phấn đấu xây dựng VIX trở thành một công ty chứng khoán mạnh và chuyên nghiệp, là lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư, tham gia vào nhóm các công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường về quy mô vốn và hiệu quả hoạt động.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để đạt được những mục tiêu đặt ra, VIX đã xây dựng các giải pháp như sau:

- Coi trọng hiệu quả hoạt động, đặt hiệu quả và giá trị mang lại cho cổ đông lên trên hết;
- Đẩy mạnh mảng Môi giới, tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị cho khách hàng bằng công nghệ, chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, trong đó việc phát triển các sản phẩm mới, bao gồm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào tư vấn đầu tư, sẽ là một hướng đi quan trọng;
- Bổ sung và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, phù hợp với văn hóa của VIX và có cùng tầm nhìn về định hướng và mục tiêu phát triển;
- Không ngừng hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Công ty nhằm làm tốt hơn nữa những sản phẩm và dịch vụ hiện có, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty song song với quản trị rủi

ro chặt chẽ.

➤ **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.**

Công ty luôn định hướng xây dựng một môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp, lành mạnh, công bằng,... và luôn nỗ lực để nâng cao chất lượng sống cho người lao động. Tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, đáp ứng đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về quản trị doanh nghiệp.

VIX hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nên tác động không lớn vào môi trường. Tuy nhiên, VIX vẫn luôn truyền thông điệp về bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguồn năng lượng điện – nước tới toàn bộ CBCNV của mình. Ngoài ra, khuyến khích CBCNV tham gia các chương trình từ thiện, khuyến khích giáo dục, các dự án vì cộng đồng,...

**5. Các rủi ro:**

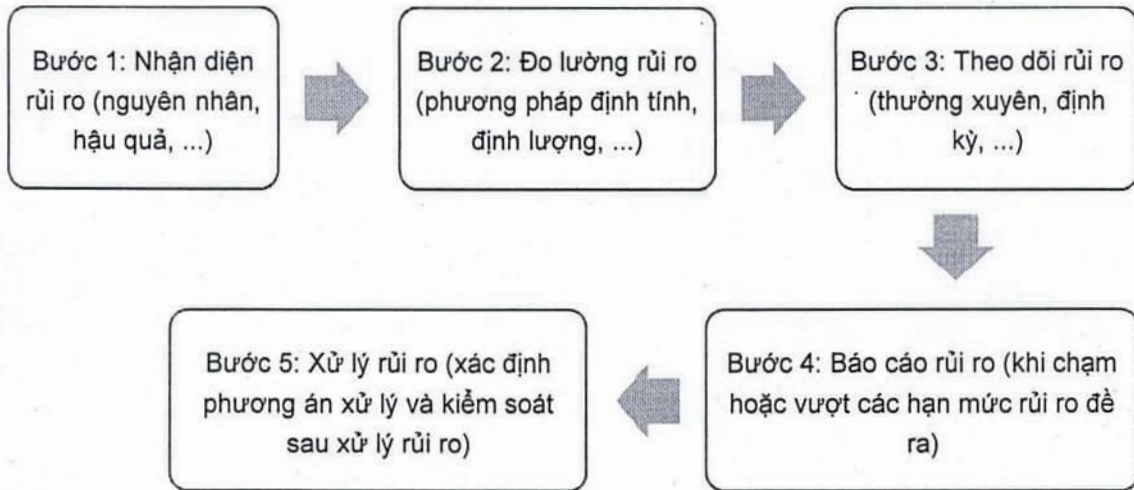
Năm 2024 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn với các bất ổn nhiều mặt của thế giới nói chung đến các khó khăn kinh tế trong nước. Trên cơ sở đánh giá tình hình chung, Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã đặc biệt chú trọng đến việc quản trị rủi ro và hạn chế rủi ro tối đa trong mọi hoạt động của mình.

Các rủi ro chính mà VIX chú trọng phòng ngừa trong năm qua bao gồm:



Tại VIX, hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thông suốt từ trên xuống dưới bao gồm Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, các phòng ban/bộ phận cho tới từng nhân viên. Từng thành viên trong hệ thống luôn tự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cảnh giác với các rủi ro có thể xảy ra để đưa doanh nghiệp vận hành và phát triển an toàn.

Công ty không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro của mình như thường xuyên cập nhật, cải tiến các quy trình nghiệp vụ và quản trị để tăng khả năng nhận định các dấu hiệu rủi ro có thể phát sinh và kiểm soát các rủi ro. Quy trình quản lý rủi ro chung của VIX gồm 5 bước chính sau:



**a. Rủi ro kinh tế vĩ mô**

Đây là những rủi ro bắt nguồn từ các vấn đề, chính sách, sự kiện có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới và trong nước tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với những vấn đề vĩ mô và quốc tế này, bên cạnh việc theo dõi sát sao, đánh giá liên tục các ảnh hưởng lên hoạt động của doanh nghiệp. Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp chủ động hạn chế rủi ro như chủ động giảm bớt các khoản đầu tư, thu hẹp hoạt động cho vay để chủ động dòng tiền và vị thế với các thách thức có thể xảy ra.

Ảnh hưởng từ thế giới	Bất ổn địa chính trị ở nhiều nơi
	Biến động lạm phát, lãi suất và tỷ giá trên thế giới
	Sự phát triển của công nghệ AI trên toàn cầu
Vấn đề nội tại của nền kinh tế	Ảnh hưởng từ các chính sách vĩ mô tới các ngành nghề kinh doanh
	Thiếu hụt các đơn hàng xuất khẩu
	Các đại án kinh tế
	Lo ngại về lạm phát, ảnh hưởng từ việc đóng băng của thị trường bất động sản, giá vàng tăng mạnh

**b. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là loại rủi ro dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm giá trị các khoản đầu tư, giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay của khách hàng, ... Tại VIX, rủi ro thị trường tập trung chủ yếu ở rủi ro về giá cổ phiếu. Để quản trị rủi ro thị trường, VIX thực hiện các biện pháp sau:



**Đối với hoạt động tự doanh:**

- Lựa chọn danh mục đầu tư dựa trên cơ sở đánh giá, phân tích các chỉ tiêu cơ bản, các chỉ tiêu về ngành nghề kinh doanh, tính thị trường của chứng khoán,...
- Đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- Áp dụng các hạn mức rủi ro cho từng khoản đầu tư, danh mục đầu tư, có chính sách đầu tư dài hạn hay ngắn hạn.
- Theo dõi, giám sát hàng ngày mức độ rủi ro của từng nghiệp vụ để đưa ra các quyết định kịp thời khi rủi ro xảy ra.

**Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ:**

- Lựa chọn danh mục ký quỹ theo đúng các tiêu chí đã đề ra. Thường xuyên rà soát danh mục cho vay ký quỹ để loại bỏ những cổ phiếu không đạt theo yêu cầu.
- Quản lý toàn bộ các khoản cho vay ký quỹ tại Công ty, thường xuyên rà soát tỷ lệ nợ danh mục tài sản của Khách hàng, mức độ tập trung dư nợ theo nhóm khách hàng, thông báo kịp thời đến khách hàng đối với các trường hợp cần phải xử lý để thu hồi nợ.
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả của nguồn vốn trong hoạt động giao dịch ký quỹ sao cho hiệu quả tối đa.
- Xử lý bán chứng khoán trên tài khoản khách hàng để thu hồi nợ khi tài khoản khách hàng vi phạm theo quy định.

**c. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán	<p>Là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.</p> <p>Rủi ro thanh toán ảnh hưởng chính đến hoạt động giao dịch ký quỹ của VIX, các khoản phải thu quá hạn, các hợp đồng khác phát sinh thực tế.</p>
Các biện pháp giảm thiểu rủi ro:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tăng cường tính pháp lý của các hồ sơ, hợp đồng với khách hàng, đối tác. Quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ các bên đặc biệt là quyền của VIX trong việc xử lý khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng.</li><li>- Tăng cường đánh giá và cập nhật thông tin về khách hàng đặc biệt về năng lực tài chính và tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc các khoản vay của khách hàng.</li><li>- Theo dõi, giám sát các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng thường xuyên, điều chỉnh các ngưỡng cảnh báo phù hợp với từng điều kiện thị trường hoặc nhóm khách hàng ...</li></ul>

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi VIX không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản tác động trực tiếp đến hoạt động nguồn vốn của VIX, đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động tự doanh của Công ty. Năm 2023, VIX đã thực hiện tốt việc quản trị nguồn vốn phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Để giảm thiểu loại rủi ro này, VIX luôn chú trọng:

- Tuân thủ tất cả các tỷ lệ đảm bảo an toàn về vốn. Tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 31/12/2023 là: 638,31% cao hơn rất nhiều so với quy định của UBCK NN là 180%.
- Duy trì lượng tiền mặt trên các tài khoản ngân hàng, các tài sản có thể ngay lập tức chuyển đổi thành tiền hợp lý và duy trì hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức hiệu quả, hợp lý để cân bằng mục đích thanh khoản – khả năng sinh lời cho Công ty.
- Có kế hoạch thu – chi cụ thể, cập nhật thường xuyên nếu có thay đổi và kiểm soát số dư hàng ngày để chủ động dòng tiền thanh toán;
- Mở rộng mối quan hệ và ký kết các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng/tổ chức tín dụng để vay trong trường hợp cần thiết và hiện nay VIX được các tổ chức tín dụng đánh giá mức độ tín nhiệm khá tốt trên thị trường.

**e. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty, liên quan đến việc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định/quy trình của công ty do việc không cập nhật hoặc cố tình/vô tình không tuân thủ đúng quy trình/quy chế của cán bộ nhân viên. Rủi ro hoạt động cũng có thể là rủi ro bên trong phát sinh do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống.... cũng như những rủi ro bên ngoài như việc mạo danh thương hiệu của VIX để tiến hành lừa đảo trên thị trường.

Trong năm 2023, VIX đã triển khai thay mới phần mềm lõi chứng khoán cơ sở nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh cũng như đảm bảo việc quản trị rủi ro tốt hơn khi mở rộng các sản phẩm dịch vụ tới khách hàng.

Để hạn chế các thiệt hại do rủi ro hoạt động có thể xảy ra cho Công ty, VIX đưa ra các biện pháp:

- Hạn chế tối đa lỗi do con người gây ra trong quá trình tác nghiệp: Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh luôn đòi hỏi đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nên VIX đã chú trọng từ khâu tuyển dụng đến khâu đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp của mỗi nhân sự. Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ rõ ràng và tuân thủ theo quy định pháp luật cho từng nghiệp vụ. Có cơ chế phân quyền trong hoạt động nghiệp vụ giữa người thực hiện và người kiểm soát chéo để hạn chế rủi ro phát sinh.
- Ứng dụng tối đa các công nghệ trong kiểm soát hoạt động: Đảm bảo hệ thống công nghệ phát huy tối đa các tiện ích dành cho khách hàng song, phải đảm bảo được quản trị nội bộ một cách tối ưu. Tiếp tục đầu tư vào hệ thống công nghệ mới bao gồm cả hệ thống dự phòng, sao lưu dữ liệu...
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ phận kiểm tra kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát nội bộ để đảm bảo tốt việc tuân thủ quy trình quy chế trong công ty; tăng cường công tác đối chiếu số liệu phát sinh hàng ngày, hàng kỳ; hoàn thiện việc lưu trữ chứng từ nhằm phát hiện kịp thời các lỗi phát sinh, bù đắp kịp thời các lỗ hổng gây ra rủi ro trong quá trình hoạt động.

**f. Rủi ro pháp lý**

VIX hoạt động dưới sự chi phối của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, do đó rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Để hạn chế rủi ro này, VIX có những biện pháp cụ thể:

- Cập nhật, đánh giá tác động ảnh hưởng của các văn bản mới ban hành/ văn bản sửa đổi/ bổ sung đến hoạt động kinh doanh và đưa ra các khuyến nghị kịp thời, đặc biệt là các thay đổi của quy định pháp luật ảnh hưởng tới các nghiệp vụ đang vận hành.
- Phổ biến, cập nhật những thay đổi trong quy định pháp luật vào trong quy trình/quy chế nội bộ công ty cũng như tới các thành viên ban lãnh đạo và nhân viên Công ty.
- Tăng cường trách nhiệm tìm hiểu rõ đối tác: tư cách pháp lý, thẩm định khả năng thực hiện hợp đồng của đối tác trước khi ký hợp đồng. Các điều khoản trong hợp đồng phải rõ ràng tránh gây hiểu lầm.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động kinh doanh****a. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm**

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là thị trường có tăng trưởng tích cực so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Kết phiên ngày 29/12/2023, là phiên giao dịch cuối cùng của năm 2023, VN-Index dừng lại mốc 1.129,93 điểm, tăng 12% so với phiên cuối năm 2022.

Thị trường hồi phục, dẫn tới, kết quả kinh doanh năm 2023 của VIX đã đạt được một số thành quả đáng ghi nhận, cụ thể:

*Bảng: Kết quả hoạt động kinh doanh*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.195.040.478.140	1.630.413.694.975	36%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	792.743.697.300	393.588.793.705	-50%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	402.296.780.840	1.236.824.901.270	207%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.969.856.306	38.627.206.064	49%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	376.326.924.534	1.198.197.695.206	218%
6	Lợi nhuận/(Lỗ) khác	6.802.862	663.489.050	9,653%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	376.333.727.396	1.198.861.184.256	219%
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	64.348.343.525	232.437.722.777	261%
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	311.985.383.871	966.423.461.479	210%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

Các số liệu trên cho thấy, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán trong năm 2023 tăng 36% đồng thời chi phí hoạt động kinh doanh giảm 50% so với năm 2022. Chi tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 tăng 49% so với năm 2022. Chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 219% so với năm 2022 đã phản ánh về tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023.

Cơ cấu doanh thu hoạt động trong năm 2023 của Công ty cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)	Tăng/ giảm (%)
1	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL	766.729.920.335	1.070.230.837.086	39.6%
2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	198.000.000.000	
3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	187.947.499.552	247.690.155.398	32%
4	Doanh thu nghiệp vụ Môi giới chứng khoán	155.246.032.483	86.349.460.817	-44%
5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	69.495.000.000	17.940.000.000	-74%
6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu khác	3.205.938.168	3.625.645.763	13%
7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.824.303.025	120.000.000	-98%
8	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	7.591.784.577	6.457.595.911	-15%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

**c. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Năm 2023 được đánh giá là một năm đầy "cảm xúc" đối với những người tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam khi thị trường nhìn chung có những diễn biến tích cực trong 9 tháng đầu năm. Có thời điểm, VNIndex ghi nhận tăng gần 24% so với đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau đó, VN-Index giảm hơn 200 điểm chỉ trong vòng gần 2 tháng sau nhịp điều chỉnh chủ yếu do yếu tố ngoại biên. Trước tình hình chung, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban điều hành, Công ty đã đạt được thành tích vượt bậc, khi hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

Bảng: Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2023 so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (tỷ đồng)	Thực hiện 2023 (tỷ đồng)	Tỉ lệ thực hiện
1	Lợi nhuận trước thuế	1.150	1.198,8	104%
2	Lợi nhuận sau thuế	920	966,4	105%

(Nguồn: BCTC năm 2023 đã kiểm toán, Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023).

**2. Tổ chức và nhân sự****a. Danh sách Ban điều hành:**

Ban điều hành và Kế toán trưởng Công ty tại thời điểm 31/12/2023, gồm các thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/Miễn nhiệm
1	Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 19/10/2022
2	Ông Đỗ Ngọc Đĩnh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 17/07/2017
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 19/05/2017

Thông tin về các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng như sau:

✓ Ông Trương Ngọc Lâm - Tổng giám đốc

Ngày sinh: 02/06/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần sở hữu tại VIX: 0 cổ phần Tỷ lệ sở hữu: 0%

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

✓ Ông Đỗ Ngọc Đĩnh – Phó tổng giám đốc

Ngày sinh: 30/01/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.475 cổ phần Tỷ lệ sở hữu: 0,0004%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

✓ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 05/08/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần Tỷ lệ sở hữu: 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành kế toán tài chính.

**b. Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Trong năm 2023, có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Thái Hoàng Long, đồng thời bổ nhiệm ông Thái Hoàng Long làm Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ 18/04/2023.

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Số lượng lao động trung bình trong năm 2023: **60 người**

Tổng số lượng nhân sự đang làm việc toàn thời gian tại VIX tại ngày 31/12/2023 là 63 nhân sự. Đội

ngũ nhân sự của VIX là những người có chuyên môn cao với hơn 92% nhân sự có trình độ đại học và trên đại học.

Năm 2023, với đội ngũ Ban lãnh đạo với trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý cũng như bề dày kinh nghiệm nhằm hướng tới mục tiêu phát triển cả trong quản trị và kinh doanh của VIX. Song song với định hướng phát triển bền vững, công tác xây dựng một chiến lược phát triển nhân sự dài hạn tiếp tục được VIX ưu tiên để đáp ứng nhu cầu từng bước mở rộng qui mô hoạt động của Công ty cùng với việc duy trì bộ máy tổ chức tinh gọn và hiệu quả.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của nguồn nhân lực, Ban Lãnh đạo VIX luôn quan tâm và nâng cao chất lượng cuộc sống, môi trường làm việc của các Cán bộ nhân viên (CBNV) thông qua việc hoàn thiện các chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi bên cạnh việc duy trì sự công bằng, minh bạch trong công việc, đãi ngộ cho tất cả CBNV đang làm việc tại VIX.

Các định hướng này đã được thể hiện rõ qua các chính sách phúc lợi, các chế độ đãi ngộ như: thưởng các ngày lễ lớn, chế độ trong các dịp sinh nhật, cưới hỏi, sinh con, chế độ các ngày quốc tế phụ nữ, chế độ nghỉ mát, khám sức khỏe,...

Ngoài việc xây dựng, đảm bảo chế độ đãi ngộ hợp lý, VIX cũng hướng tới việc xây dựng nhóm cán bộ nguồn, có kinh nghiệm thực tế, có hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi của Công ty. Công ty cũng tổ chức các chương trình thu hút nhân tài nhằm tìm kiếm các tài năng trẻ; xây dựng chính sách đãi ngộ, chính sách đào tạo, chính sách thăng tiến nhằm tạo động lực làm việc và giữ chân các nhân sự cốt cán. VIX luôn tự hào rằng ở VIX có: Môi trường làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng cùng đội ngũ nhân sự gắn bó, thấu hiểu và văn hoá doanh nghiệp đặc sắc, riêng biệt. Mỗi nhân sự khi gia nhập VIX sẽ được đầu tư phát triển về con người, được trao niềm tin và cơ hội, được phát triển cùng thử thách, được thể hiện và cống hiến, được hưởng phúc lợi xứng đáng, vượt trội.

Chế độ làm việc: VIX tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 05 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, được nghỉ chế độ thai sản, ốm đau..... theo đúng chế độ bảo hiểm xã hội.

Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp cũng được chú trọng, các hoạt động tuyên truyền, lưu giữ và phát triển các giá trị văn hoá của VIX được duy trì, Văn hóa chính là sức mạnh của doanh nghiệp, là chất keo gắn kết nhân sự VIX, thúc đẩy mỗi người VIX nỗ lực, sáng tạo đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Công ty. Công ty tổ chức nhiều hoạt động văn hoá vào các dịp sinh nhật, ngày lễ tết, các chương trình Teambuilding, Year end party, các hoạt động thể dục thể thao như bóng đá, yoga,.....để xây dựng văn hoá doanh nghiệp đặc sắc, riêng biệt.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm 2023, VIX đã thực hiện đầu tư tự doanh vào các cổ phiếu và trái phiếu được đánh giá là có tiềm năng trên thị trường. Hoạt động đầu tư này đã mang lại hiệu quả cao cho VIX, doanh thu chiếm 65% trong tổng doanh thu của cả Công ty.

Kết quả hoạt động ghi nhận từ các khoản đầu tư tài chính trong năm 2023 đạt được cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)	Tăng/ giảm (%)
1	Lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	766.729.920.335	1.070.230.837.086	40%
2	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	626.834.206.840	300.553.991.779	-52%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán 2023)

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)	Tăng/ giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	8.148.069.614.040	9.086.811.828.553	11,5%
2	Tổng doanh thu	1.195.047.281.015	1.632.736.265.589	36,6%
3	Thuế và các khoản phải nộp	64.348.343.525	232.437.722.777	261,2%
4	Lợi nhuận trước thuế	376.333.727.396	1.198.861.184.256	218,6%
5	Lợi nhuận sau thuế	311.985.383.871	966.423.461.479	209,8%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2023)

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	28,5	48,5
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	28,5	48,5
	(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		Không áp dụng	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	3,5	2,8
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,6	2,9
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	Vòng quay hàng tồn kho		Không áp dụng	
	Giá vốn bán hàng/hàng tồn kho bình quân		Không áp dụng	

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	14,6	17,9
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,3	59,5
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,0	10,9
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,8	10,6
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	31,7	73,8

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023 là **669.444.725** cổ phần tương ứng với vốn điều lệ của công ty là: **6.694.447.250.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu ngàn, sáu trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Trong đó:

- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng là: 669.444.725 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

Cơ cấu vốn cổ phần của VIX cụ thể như sau:

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông</b>	<b>669.444.725</b>	<b>100%</b>
1. Cổ đông lớn	34.109.331	5,1%
2. Cổ đông nhỏ	635.335.394	94,9%
<b>II. Loại hình cổ đông</b>	<b>669.444.725</b>	<b>100%</b>
1. Cổ đông tổ chức	90.567.054	13,53%
2. Cổ đông cá nhân	578.877.671	86,47%
<b>III. Nguồn gốc cổ đông</b>	<b>669.444.725</b>	<b>100%</b>
1. Cổ đông trong nước	607.161.150	90,70%
Trong đó cổ đông Nhà nước	-	-
2. Cổ đông nước ngoài	62.283.575	9,30%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024 do VSDC cấp)

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%



**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

<b>Thời điểm tăng vốn</b>	<b>Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)</b>	<b>Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)</b>	<b>Hình thức tăng vốn</b>	<b>Đơn vị cấp</b>
10/12/2007	300.000.000	300.000.000	Vốn góp ban đầu.	UBCKNN
08/05/2015	606.930.000	306.930.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	UBCKNN
01/10/2015	667.622.970	60.692.970	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%.	UBCKNN
17/06/2016	701.001.650	33.378.680	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 tỉ lệ 5%.	UBCKNN
21/06/2017	736.045.800	35.044.150	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 tỉ lệ 5%.	UBCKNN
28/05/2018	809.645.830	73.600.030	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỉ lệ 10%.	UBCKNN
22/01/2019	1.009.645.830	200.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	UBCKNN
31/05/2019	1.161.086.380	151.440.550	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỉ lệ 15%.	UBCKNN
16/07/2020	1.277.189.750	116.103.370	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỉ lệ 10%.	UBCKNN
25/10/2021	2.745.952.290	1.468.762.540	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 tỉ lệ 15% và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1	UBCKNN
14/04/2022	5.491.904.580	2.745.952.290	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1	UBCKNN
29/08/2022	5.821.391.890	329.487.310	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 tỉ lệ 6% cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN
26/05/2023	6.694.447.250	873.055.360	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 tỉ lệ 5% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỉ lệ 10%.	UBCKNN

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**e) Các chứng khoán khác:** Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:** Không có

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Không có

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:** Không có

**6.4. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: VIX hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, không tham gia sản xuất nên lượng tiêu thụ nước trong năm phát sinh không đáng kể. VIX sử dụng nguồn nước do chính toà nhà nơi đặt địa điểm trụ sở Công ty cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của VIX trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt. Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong Công ty là 63 người với mức lương trung bình đối với người lao động là: **24.700.000 đồng/tháng/người**.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động.

Ngoài các khoản phải trả cho người lao động theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Công ty còn trích các phụ cấp, phúc lợi cho cho CBNV như: phụ cấp chức vụ, phụ cấp đi lại, phụ cấp điện thoại.... làm tăng thêm thu nhập và phù hợp với công việc đảm nhận cho người lao động. CBNV làm việc tại VIX, ngoài các chính sách phúc lợi theo yêu cầu của nhà nước, còn được hưởng thêm các chế độ đãi ngộ khác như: thưởng các ngày lễ lớn, chế độ trong các dịp sinh nhật, cưới hỏi, sinh con, chế độ các ngày quốc tế phụ nữ, chế độ nghỉ mát ....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp đảm bảo đảm trách được các công việc được giao, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với VIX. Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để VIX đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật chuyên ngành, VIX luôn nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan như: pháp luật về thuế, lao động, bảo hiểm,...

Mức đóng góp thuế của VIX vào Ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền đã nộp năm 2022 (VND)	Số tiền đã nộp năm 2023 (VND)	Tăng/ giảm (%)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	130.934.049.138	96.801.414.742	-26,1%
Thuế Thu nhập cá nhân	81.958.467.724	49.778.204.272	-39,3%

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Chưa có

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

**Điều kiện kinh doanh 2023**

Trong năm 2023, GDP của Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 5,05%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng này thấp hơn so với mức tăng 8% trong năm trước đó, nhưng cũng là một con số khá tích cực trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu suy giảm và thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp trong nước gặp phải những khó khăn. Việc thị trường Trung Quốc mở cửa trở lại từ cuối năm 2022 và thị trường Mỹ vẫn duy trì được đà tăng cũng là nhân tố giúp cho nền kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng GDP khả quan trong năm 2023.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 4 quý năm 2023 có sự cải thiện, với GDP quý 1/2023 tăng 3,28% nhưng GDP quý 4/2023 tăng 6,72%. Nguyên nhân dẫn đến tốc độ tăng GDP của các quý cuối năm cao hơn các quý đầu năm có thể là vì trong nửa cuối năm 2022, nền kinh tế Việt Nam bị chậm lại do gặp một số vấn đề về lãi suất và tỷ giá tăng cao cùng với tình trạng đóng băng của thị trường bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Lạm phát của Việt Nam cũng được kiểm soát tương đối tốt. Tỷ lệ lạm phát bình quân năm 2023 ở mức 3,25%. Trong năm 2023, Việt Nam đã dùng nhiều chính sách phối hợp để ổn định lạm phát như: giảm mặt bằng lãi suất, ổn định tỷ giá giảm thuế giá trị gia tăng,... Đồng thời, giá hàng hoá thế giới cũng giảm cũng là yếu tố đóng góp vào việc kiểm soát giá cả ở Việt Nam.

Việc thu hút vốn đầu tư FDI vào Việt Nam có những dấu hiệu khá tích cực trong nhiều năm qua. Vốn FDI thực hiện của Việt Nam trong năm 2023 đang đạt mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Số vốn đăng ký đầu tư FDI cũng tăng trở lại trong giai đoạn từ 2017 - 2023, với số vốn trung bình hằng năm đạt khoảng 33,3 tỉ USD. Bên cạnh những nỗ lực trong thu hút đầu tư FDI của Việt Nam trong những năm qua, thì sự dịch chuyển của dòng FDI toàn cầu trong những năm gần đây (do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung), và việc nâng cấp quan hệ Việt - Mỹ vào tháng 9-2023 đã đưa Việt Nam trở thành một điểm đến thực sự hấp dẫn với dòng vốn FDI toàn cầu.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng lớn bởi thị trường bất động sản, năm 2023 thị trường bất động sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn với thanh khoản giảm mạnh do nguồn vốn bị hạn chế mặc dù Chính phủ đã có một số chính sách nhằm tháo gỡ cho thị trường này. Nhiều doanh nghiệp bất động sản tiếp tục chịu áp lực từ việc tìm nguồn trả nợ ngân hàng và đáo hạn trái phiếu trong khi việc bán hàng cho người tiêu dùng cuối cùng lại khá hạn chế. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố, tính đến cuối 2023, tổng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản (BDS) đạt khoảng 2,75 triệu tỷ đồng (chiếm 20,4% tổng quy mô tín dụng toàn hệ thống), và tăng 6,75% so cuối 2022 trong đó dư nợ kinh doanh bất động sản tăng trên 22%, lĩnh vực tiêu dùng bất động sản lại giảm nhẹ 0,7%. Khối dư nợ

bất động sản lớn trong khi những khó khăn trong việc bán hàng sẽ tạo ra những rủi ro về mất thanh khoản của các công ty bất động sản cũng như rủi ro cho nợ xấu của hệ thống ngân hàng.

Trong năm 2023, Quốc hội cũng đã thông qua việc ban hành Luật kinh doanh bất động sản sửa đổi và dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Theo luật mới, việc chuyển nhượng dự án bất động sản sẽ dễ dàng hơn. Tuy nhiên, việc phân lô bán nền và nguồn vốn thu từ đặt cọc của người mua đối với dự án hình thành trong tương lai lại bị siết chặt. Trong bối cảnh dư nợ bất động sản lớn, các ngân hàng thận trọng hơn, và nhu cầu đáo hạn nợ vay và nợ trái phiếu khá cao, thì những quy định của luật mới cũng sẽ tiếp tục tạo ra những khó khăn cho thị trường này.

Dưới tác động của tình hình kinh tế và những chính sách vĩ mô, diễn biến của thị trường chứng khoán năm 2023 kết thúc đầy kịch tính và bất ngờ. Chỉ số Vnindex dừng lại ở vùng 1.130 điểm, thanh khoản ba sàn đạt gần 16.900 tỷ đồng giảm 17,2% so với năm trước đó. Trong năm 2023, khối ngoại đã bán ròng mạnh mẽ 21.000 tỷ đồng. Nhìn chung, diễn biến của thị trường năm 2023 có thể chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất kéo dài từ đầu năm đến hết tháng 5/2023: Đây là giai đoạn thị trường dao động với những sóng nhỏ với chỉ số Vn-Index ở dưới mốc 1.100 điểm. Đặc trưng của giai đoạn này là giá cổ phiếu biến động nhỏ và thanh khoản của thị trường ở mức thấp - khoảng 550 triệu cổ phiếu/ngày.
- Giai đoạn thứ hai kéo dài từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8/2023: Đây là giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường, với việc chỉ số Vn-Index tăng 140 điểm (từ 1.100 lên 1.240 điểm). Thanh khoản thị trường trong giai đoạn này cũng tăng trưởng mạnh mẽ với số cổ phiếu khớp lệnh trung bình đạt 860 triệu cổ phiếu/ngày, tăng 55% so với giai đoạn trước đó.
- Giai đoạn thứ ba kéo dài từ giữa tháng 8/2023 đến hết năm: Đây là giai đoạn điều chỉnh của thị trường, với việc chỉ số Vn-Index giảm mạnh từ đỉnh 1.240 xuống đáy 1.040 và phục hồi nhẹ lên trên 1.100 điểm vào cuối năm 2023. Thanh khoản trong giai đoạn này còn khoảng 770 triệu cổ phiếu/ngày, giảm nhẹ so với giai đoạn trước đó.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2023 nói chung cùng với diễn biến của thị trường chứng khoán nói riêng, trên cơ sở các chính sách quản trị điều hành của Ban lãnh đạo và sự cố gắng của toàn thể nhân viên Công ty, VIX đã đạt được những thành quả cao trong hoạt động kinh năm 2023. Cụ thể: so với kế hoạch kinh doanh được Đại hội Đồng cổ đông thông qua bằng văn bản ngày 17/10/2023, VIX đã đạt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 1.198 tỷ đồng tăng 219% so với năm 2022 và đạt 104% kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 966 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch. Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng từ 521 đồng năm 2022 lên 1.444 đồng năm 2023.

*Về những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2023:*

- *Về hoạt động tự doanh:* Doanh thu tự doanh năm 2023 đạt 1.070 tỷ đồng tăng 40% so với năm 2022. Đây cũng là một trong những hoạt động mang lại hiệu quả và chiếm tỷ trọng cao trong kết quả kinh doanh của Công ty.
- *Về hoạt động môi giới:* Doanh thu phí giao dịch của VIX trong năm 2023 đạt 86,3 tỷ đồng giảm tương ứng 44% so với năm 2022, số lượng tài khoản mở mới tăng 69,5% so với năm 2022, nâng tổng số tài khoản tại VIX lên 20.538 tài khoản. Điều này cho thấy, với định hướng phát triển đầy mạnh mẽ hoạt động môi giới, VIX dần dần đã đạt được thành quả nhất định và đây cũng là một bước tiến quan trọng làm tiền đề cho các năm sau. Năm 2023, VIX cũng đã đưa nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính mới, hấp dẫn nhằm cung cấp cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn giao dịch. VIX đã chính thức trở thành thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ. Đây là một kênh được đánh giá có nhiều triển vọng phát triển về giao dịch và doanh số trong tương lai.

- *Về hoạt động công nghệ thông tin:*

Năm 2023 được đánh giá là một năm với nhiều đổi mới và đầu tư trong mảng công nghệ thông tin nhằm tăng khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường chứng khoán chung, trong đó phải kể tới:

VIX đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực xử lý, bổ sung năng lực lưu trữ và an toàn bảo mật hệ thống.

Xúc tiến đầu tư về kết hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong lĩnh vực chứng khoán nhằm cung cấp đến khách hàng bộ công cụ hiệu quả, tiện lợi cho nhà đầu tư.

VIX xây dựng/ nhận diện hình ảnh thông qua việc đổi mới website công ty, vừa mang tính hiện đại vừa thân thiện với người sử dụng đồng thời cũng là nơi quảng bá các sản phẩm dịch vụ mà VIX cung cấp cho khách hàng.

Đặc biệt, với mong muốn mang đến cho Khách hàng những trải nghiệm không giới hạn các tiện ích giao dịch, tốc độ xử lý vượt trội và nền tảng đầu tư an toàn. VIX đã hợp tác cùng Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Tài chính (FSS) để triển khai XPower – hệ thống giao dịch chứng khoán hoàn toàn mới. Hệ thống mới đã chính thức ra mắt vào ngày 27/01/2024, mang đến nhiều tiện ích cũng như trải nghiệm tuyệt vời cho Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán.

Cùng với đó, công ty đã bố trí nhân sự, hệ thống để phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký chứng khoán và bù trừ Việt nam tham gia các đợt kiểm thử hệ thống KRX, chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng phương án golive hệ thống KRX theo quyết định của UBCKNN.

- *Hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro* tiếp tục được tăng cường để giám sát hoạt động nghiệp vụ của Công ty, chủ động xây dựng các kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất nhằm kịp thời phát hiện các sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Đặc biệt, với việc chuyển đổi hệ thống giao dịch chứng khoán mới, các nhân sự phụ trách kiểm soát và quản trị rủi ro tham gia toàn bộ quá trình phân tích, xây dựng và test thử nghiệm hệ thống ngay từ những ngày đầu triển khai dự án nhằm quản trị tối đa các thay đổi, rủi ro nghiệp vụ có thể phát sinh khi hệ thống chính thức đi vào hoạt động.

Trong năm 2023, không có phát sinh các khoản nợ khó đòi/ nợ xấu trong các hoạt động nghiệp vụ. Các chỉ tiêu về hạn chế đầu tư luôn được kiểm soát, chỉ tiêu an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2023 là 638,31% tăng 147,52% so với cùng kỳ năm ngoài cho thấy ngoài việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thì VIX cũng luôn chú trọng năng lực về tình hình tài chính của Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn an toàn một cách tối đa.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của VIX đã tăng 11,5%, từ mức 8.148 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2022 lên 9.086 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2023, cho thấy quy mô kinh doanh của VIX đã tăng lên đáng kể. Tài sản của công ty chủ yếu bao gồm chứng khoán tự doanh (5.791 tỷ đồng tăng 18% so với năm trước), tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (Dư nợ cho vay ký quỹ tăng 68%). Đây vẫn được coi là các hoạt động mang lại doanh thu chính cho VIX trong năm 2023.

### **b) Tình hình nợ phải trả**

Tại thời điểm 31/12/2023, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản của VIX ở mức rất thấp, chỉ là 3%. Các chỉ tiêu về thanh khoản của VIX đều ở mức an toàn với hệ số thanh toán nhanh là 48,5 lần.

Năm 2023, VIX không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Với cơ cấu nhân sự hiện tại hoạt động hiệu quả nên VIX vẫn duy trì cơ cấu nhân sự như những năm trước, các chính sách quản lý được ban hành luôn sát với tình hình thực tế. Việc phân quyền trong quản trị điều hành cũng giúp việc điều hành của Ban lãnh đạo được thuận tiện và chặt chẽ.

Các bộ phận /phòng /ban trong Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật lại toàn bộ các quy trình, quy chế nội bộ Công ty để chuẩn hoá hoạt động nghiệp vụ, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm đảm bảo sự an toàn cho các hoạt động. Hệ thống báo cáo quản trị hoạt động đã được thống nhất, trợ giúp cho Ban điều hành trong việc ra quyết định kinh doanh.

Trong năm, Công ty đã tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên đi học hoàn tất các chứng chỉ hành nghề để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.

**4 Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Căn cứ vào bối cảnh thị trường chứng khoán hiện tại, Ban Lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục kế hoạch tập trung phát triển các mảng hoạt động chính mang lại doanh thu lớn cho Công ty bao gồm:

*Môi giới chứng khoán và dịch vụ chứng khoán:*

- Tăng thị phần môi giới;
- Mở rộng mạng lưới môi giới cùng với đó là khai thác, phát triển các tệp khách hàng sẵn có cũng như khách hàng mới;
- Tiếp tục tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng golive hệ thống KRX.

*Hoạt động đầu tư:*

- Ưu tiên đầu tư vào các cổ phiếu có cơ bản và có tiềm năng tăng trưởng cao; theo dõi sát thị trường để có các quyết định nhanh chóng, linh hoạt phù hợp với bối cảnh thị trường chung.

*Dịch vụ tài chính:*

- Nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn và năng lực cho vay, năng lực quản trị rủi ro hoạt động ký quỹ, ứng trước tiền bán.
- Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng.

*Hoạt động khác:*

- Tối ưu các nguồn vốn để phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tối ưu hoá các quy trình, sản phẩm nhằm sử dụng tối đa hoá hiệu quả vận hành;
- Đẩy mạnh tìm kiếm và mời gọi nhân sự mới, chú trọng nhân sự phù hợp với văn hóa VIX và có đủ năng lực để chung tay với Công ty triển khai các định hướng chiến lược đã đề ra, đồng thời với việc kiện toàn đội ngũ nhân sự hiện có, đảm bảo đúng người đúng việc và phát huy cao nhất năng lực các nhân sự nhiều kinh nghiệm và đã gắn bó với Công ty trong suốt nhiều năm qua;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tinh thần đoàn kết, minh bạch, trung thực và văn minh.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):**

Không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Về năng lượng và nước: Với đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty không sử dụng nhiều điện và nước trong quá trình vận hành công việc, tuy nhiên VIX luôn ý thức về giá trị của hai nguồn năng lượng đặc biệt này. Với tinh thần tiết kiệm điện, nước và thông điệp này đã được truyền tải đến toàn bộ CBCNV công ty nhằm nâng cao ý thức sử dụng sao cho hợp lý, tiết kiệm như: tắt các thiết bị điện, nước khi không sử dụng; sử dụng các thiết bị điện có chế độ tiết kiệm điện; khi dùng điều hoà thì không mở cửa sổ,...
- Về môi trường, kinh tế và xã hội: VIX luôn đặt các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, có ý thức bảo vệ môi trường và tham gia các phong trào xã hội, công đoàn công ty phối hợp với phòng Hành chính nhân sự là đầu mối để thực hiện nội dung này.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

(Xem mục II.6.6)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

(Xem mục II.6.7)

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Ngay từ những ngày đầu năm và sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai ngay các giải pháp đồng bộ, linh hoạt để thực hiện kế hoạch kinh doanh, phát triển khách hàng và nâng cao thị phần. Cùng với đó, hệ thống sản phẩm, dịch vụ cũng được thiết kế và quản lý phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư, tuân thủ quy định của pháp luật.

Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, tiết kiệm và hiệu quả, nâng cấp cơ sở vật chất, nhất là nâng cấp hệ thống giao dịch và duy trì việc vận hành an toàn hệ thống trong mọi tình huống để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn; ban hành, sửa đổi các quy trình, quy chế hoạt động đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

##### **Về hoạt động chung của Công ty**

- HĐQT đã quyết định chủ trương nâng cấp toàn diện hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) của Công ty nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, đảm bảo an toàn hệ thống và xây dựng hình ảnh mới cho VIX. HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, chỉ đạo sát sao việc đầu tư mới hệ thống phần mềm giao dịch (hệ thống core), xây dựng website mới, đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT của Công ty,... Đến nay, hệ thống core mới và website mới đã đi vào hoạt động ổn định, hạ tầng CNTT đã được bổ sung năng lực xử lý, lưu trữ, bảo mật và đảm bảo an toàn hệ thống.
- HĐQT cũng đã bám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong nhiệm vụ chuẩn bị hệ thống CNTT của Công ty và tham gia thử nghiệm hệ thống KRX do các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức. Mặc dù, phải vượt qua nhiều khó khăn về giải pháp công nghệ Công ty cũng đã thực hiện thành công các đợt thử nghiệm, đạt các yêu cầu đề ra.
- Trong năm 2023, đứng trước những diễn biến khách quan nhanh và liên tục của thị trường, HĐQT luôn nghiêm túc nhìn nhận đánh giá những kết quả làm được và chưa làm được, để rút kinh nghiệm trong công tác quản trị và có hướng điều chỉnh kịp thời nhằm tăng cường hiệu quả giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong các mặt hoạt động của Công ty.

**Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023:**

Công ty đã kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường, mạnh dạn trình ĐHĐCĐ điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2023 thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, với chỉ tiêu kế hoạch mới tăng 70,4% so với chỉ tiêu được giao tại ĐHĐCĐ niên 2023. Mặc dù đây là một thử thách lớn, nhưng Ban điều hành đã cùng với các phòng ban nghiệp vụ liên quan thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Doanh thu hoạt động năm 2023 đạt 1.623,9 tỷ đồng, tăng 136,7 % so với thực hiện năm 2022.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 966,4 tỷ đồng, tăng 309,7 % so với thực hiện năm 2022 và hoàn thành 105% kế hoạch điều chỉnh năm 2023.

**Về kết quả trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông:**

- Ngày 02/06/2023: Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông với tỷ lệ 5% và hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ là 10%.

Kết quả sau hai đợt phát hành nói trên số lượng cổ phiếu tăng thêm là 87.305.536 cổ phiếu và vốn điều lệ tăng từ 5.821.391.890.000 đồng lên 6.694.447.250.000 đồng.

- Ngày 07/07/2023: Hoàn thành việc niêm yết bổ sung cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chính thức được giao dịch tại Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

**Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

(Xem mục II.6)

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

HĐQT đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã duy trì chế độ họp định kỳ hàng tuần, tháng và đột xuất để tổng kết công tác đã thực hiện, rút kinh nghiệm hoặc điều chỉnh cho kỳ tiếp theo phù hợp với thực tế và diễn biến thị trường. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công tác trao đổi thông tin, báo cáo định kỳ với HĐQT và Ban Kiểm soát về tình hình thực hiện các nội dung trong Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với các vấn đề phát sinh trong chỉ đạo, điều hành Công ty.

Theo đánh giá của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong công tác điều hành và quản lý Công ty, cụ thể như sau:

- Điều hành hoạt động của Công ty cẩn trọng, an toàn, hiệu quả;
- Xây dựng, tham mưu cho HĐQT trong việc tiếp tục tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn, tiết kiệm chi phí, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty và thị trường;
- Hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ, sắp xếp, bố trí lại các phòng ban và điều chuyển nhân sự hợp lý, tập trung vào các mảng kinh doanh chính của Công ty cho phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty từng thời kỳ;
- Triển khai kế hoạch phát triển tự doanh, môi giới, cho vay giao dịch ký quỹ kết hợp với quản trị rủi ro linh hoạt, đảm bảo yêu cầu về an toàn và hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty.
- Hoàn thành đúng tiến độ các dự án trọng điểm về CNTT: Đầu tư mới hệ thống phần mềm giao dịch (hệ thống core), xây dựng website mới, đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT của Công ty. Đến nay,



hệ thống core mới và website mới đã đi vào hoạt động ổn định, hạ tầng CNTT đã được bổ sung năng lực xử lý, lưu trữ, bảo mật và đảm bảo an toàn hệ thống.

- Tham gia thử nghiệm hệ thống KRX do các Sở GDCK và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức, đảm bảo đúng yêu cầu và tiến độ các đợt thử nghiệm, sẵn sàng cho việc kết nối và giao dịch khi hệ thống KRX đi vào hoạt động chính thức.
- Duy trì và tăng cường nhân sự chất lượng cho hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo ngăn ngừa hiệu quả các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

#### **Dự báo thị trường chứng khoán 2024**

Là một nền kinh tế có độ mở cao, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 sẽ chịu tác động của những tình hình kinh tế và tài chính toàn cầu, trong đó có 2 yếu tố có thể tác động mạnh nhất là: chính sách lãi suất của FED và mức độ suy thoái của kinh tế toàn cầu. Nếu lạm phát có thể hạ nhiệt về mức mục tiêu, FED có thể sẽ giảm lãi suất do cơ quan này đã hoàn thành quá trình thắt chặt tiền tệ trong năm 2023. Ở góc độ tăng trưởng, kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu rơi vào suy thoái, nhưng mức độ suy thoái là nặng hay nhẹ là khó đoán định và cần thêm dữ liệu để đánh giá.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng có những yếu tố đặc thù có thể tác động đến thị trường chứng khoán. Ở khía cạnh tích cực, đó là kỳ vọng về đà hồi phục của kinh tế Việt Nam với việc dòng vốn FDI khá tích cực và những chính sách cắt giảm lãi suất và kích thích đầu tư công của Chính phủ nhằm hỗ trợ nền kinh tế sau giai đoạn trì trệ năm 2023. Ở khía cạnh khác, áp lực trả nợ trái phiếu của các doanh nghiệp trong năm 2024 khá cao, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Trong bối cảnh việc kinh doanh của các doanh nghiệp bất động sản còn nhiều khó khăn, thì áp lực trả nợ trái phiếu sẽ là một yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán.

Một yếu tố tích cực tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam đó là việc Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chỉ đạo sát sao việc yêu cầu các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phối hợp với các công ty chứng khoán đang rất nỗ lực đưa hệ thống giao dịch KRX vào vận hành chính thức, khi đó sẽ có nhiều sản phẩm được áp dụng cho Nhà đầu tư cũng là một trong những kỳ vọng của thị trường chứng khoán. Hơn nữa, mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt nam cũng là nội dung tiếp tục được đặc biệt quan tâm.

Trước bối cảnh này của tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam với những thông tin tốt xấu đan xen, thị trường chứng khoán năm 2024 có thể có những biến động mạnh. Chỉ số Vn-Index có thể có những sóng tăng và giảm xen kẽ trong năm. Do vậy, thị trường sẽ có thể diễn ra sự phân hoá giữa các nhóm cổ phiếu và sự phát triển của xu hướng đầu tư giá trị. Cơ hội đầu tư tốt sẽ xuất hiện ở một số cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc, hoặc có những câu chuyện tăng trưởng riêng.

#### **Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024**

Trên cơ sở đánh giá những thách thức và cơ hội của thị trường chứng khoán năm 2024 và tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được qua các năm. HĐQT xác định sẽ tập trung nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản trị công ty an toàn hiệu quả. Tiếp tục phát triển, đẩy mạnh các mảng hoạt động sau:

- Thúc đẩy hoạt động môi giới thông qua các giải pháp định hướng về khách hàng chuyên biệt và đẩy mạnh hoạt động cho vay ký quỹ với mục tiêu nâng cao tỷ trọng mảng Môi giới, củng cố vị thế trên thị trường và tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Nâng cao năng lực tài chính của Công ty phục vụ cho hoạt động cho vay ký quỹ thông qua mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng.

- Tiếp tục đầu tư cho hệ thống CNTT để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng giao dịch.
- Đẩy mạnh tìm kiếm và mời gọi nhân sự mới, chú trọng nhân sự phù hợp với văn hóa VIX và có đủ năng lực để chung tay với Công ty triển khai các định hướng chiến lược đã đề ra, đồng thời với việc kiện toàn đội ngũ nhân sự hiện có, đảm bảo đúng người đúng việc và phát huy cao nhất năng lực các nhân sự nhiều kinh nghiệm và đã gắn bó với Công ty trong suốt nhiều năm qua;
- Tập trung bố trí và động viên nhân sự nghiệp vụ hoàn thành tốt các đợt diễn tập hệ thống KRX trong năm 2024 theo thông báo của các Sở GDCK và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, đảm bảo VIX ở trạng thái sẵn sàng khi hệ thống KRX đi vào vận hành chính thức.
- Đánh giá và có sự phân công chi tiết các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm theo dõi và hỗ trợ, phối hợp với Tổng giám đốc và Ban điều hành trong các mảng công việc cụ thể như thúc đẩy kinh doanh, tạo và sử dụng nguồn vốn, kế toán tài chính, nhân sự, CNTT,...
- Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đó tạo mọi điều kiện về cơ chế, chính sách, cơ sở vật chất hướng tới việc hoàn thành tốt KHKD, hoạt động phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Bám sát các chính sách mới, chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng đáp ứng các thay đổi của thị trường về sản phẩm và cơ chế vận hành khi thị trường đang càng ngày càng tiến gần tới mục tiêu nâng hạng.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

**a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị của VIX bao gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch HĐQT	0%
2	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	0,034%
3	Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên HĐQT	0%
4	Bà Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	0%
5	Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0,053%

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty không có các tiểu ban trong HĐQT

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2023, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 15/04/2023 và xin ý kiến đại hội đồng cổ đông bằng văn diễn ra ngày 17/10/2023 với nội dung thông qua điều chỉnh tăng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch trả cổ tức năm 2023.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 25 cuộc họp, ban hành 37 Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Cụ thể các cuộc họp như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự/số cuộc họp	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Hoàng Long	22/25	88%	Được bầu vào HĐQT ngày 15/04/2023
2	Ông Trương Ngọc Lâm	22/25	88%	Được bầu vào HĐQT ngày 15/04/2023
3	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	25/25	100%	100%
4	Bà Cao Thị Hồng	25/25	100%	100%
5	Bà Trần Thị Hồng Hà	25/25	100%	100%
6	Bà Nguyễn Thị Tuyết	1/25	4%	Từ nhiệm ngày 10/02/2023
7	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3/25	12%	Miễn nhiệm ngày 15/04/2023

Bảng liệt kê chi tiết các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

TT	Số hiệu NQ	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/VIX/NQ-HĐQT	10/02/2023	Thông qua việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT - Bà Nguyễn Thị Tuyết	100%
2	02/2023/VIX/NQ-HĐQT	10/02/2023	Phân công người phụ trách HĐQT - Ông Nguyễn Tuấn Dũng	100%
3	03/2023/VIX/NQ-HĐQT	10/02/2023	Thông qua việc phân quyền cho người phụ trách HĐQT	100%
4	04/2023/VIX/NQ-HĐQT	22/02/2023	Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ Thường niên 2023	100%
5	05/2023/VIX/NQ-HĐQT	24/03/2023	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
6	06/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Bầu Chủ tịch HĐQT - Thái Hoàng Long	100%
7	07/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Thời phụ trách HĐQT - Nguyễn Tuấn Dũng	100%

TT	Số hiệu NQ	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	08/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Phân công Thường trực HĐQT - Nguyễn Tuấn Dũng	100%
9	09/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Ban hành phân quyền trong quản trị điều hành Công ty	100%
10	10/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Điều chỉnh thông tin loại chứng khoán	100%
11	11/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
12	12/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Phân công công việc và mức thù lao cho các thành viên HĐQT	100%
13	13/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/04/2023	Thông qua mức thù lao cho CT HĐQT - ông Thái Hoàng Long	100%
14	14/2023/VIX/NQ-HĐQT	25/04/2023	Nâng cấp hạ tầng CNTT và triển khai hạ tầng dự án KRX	100%
15	15/2023/VIX/NQ-HĐQT	26/04/2023	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn do MBS cấp	100%
16	16/2023/VIX/NQ-HĐQT	12/05/2023	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu và nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
17	17/2023/VIX/NQ-HĐQT	01/06/2023	Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Láng Hạ	100%
18	18/2023/VIX/NQ-HĐQT	02/06/2023	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 và phát hành tăng vốn từ vốn chủ sở hữu	100%
19	19/2023/VIX/NQ-HĐQT	06/06/2023	Thông qua phê duyệt phương án đầu tư cổ phiếu niêm yết	100%
20	20/2023/VIX/NQ-HĐQT	28/06/2023	Thông qua việc lựa chọn và ký HĐ Kiểm toán BCTC năm 2023	100%
21	20A/2023/VIX/NQ-HĐQT	19/07/2023	Thông qua lựa chọn nhà cung cấp phần mềm Core GDCK mới	100%
22	21/2023/VIX/NQ-HĐQT	23/08/2023	Thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
23	22/2023/VIX/NQ-HĐQT	28/08/2023	Phê duyệt dự thảo hợp đồng core chứng khoán	100%
24	23/2023/VIX/NQ-HĐQT	11/09/2023	Thông qua việc ủy quyền tham dự ĐHCĐ bất thường của EIB	100%
25	24/2023/VIX/NQ-HĐQT	20/09/2023	Thông qua tài liệu lấy ý kiến CĐ bằng văn bản, thành lập Ban kiểm phiếu	100%

TT	Số hiệu NQ	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
26	25/2023/VIX/NQ-HĐQT	22/09/2023	Điều chỉnh mức lương cho Phó TGĐ	100%
27	26/2023/VIX/NQ-HĐQT	26/10/2023	Thông qua hạn mức tín dụng với Techcombank	100%
28	27/2023/VIX/NQ-HĐQT	06/11/2023	Thông qua phê duyệt phương án đầu tư thêm cổ phiếu GEX	100%
29	28/2023/VIX/NQ-HĐQT	13/11/2023	Thông qua phê duyệt phương án đầu tư thêm cổ phiếu NVL	100%
30	29/2023/VIX/NQ-HĐQT	24/11/2023	Miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ, thư ký HĐQT, bổ nhiệm Trợ lý HĐQT	100%
31	30/2023/VIX/NQ-HĐQT	24/11/2023	Bổ nhiệm chuyên viên Kiểm toán nội bộ	100%
32	31/2023/VIX/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thanh lý xe ô tô Kia Carnival	100%
33	32/2023/VIX/NQ-HĐQT	28/11/2023	Phê duyệt mua xe ô tô Toyota Alphard HEV CD	100%
34	33/2023/VIX/NQ-HĐQT	13/12/2023	Thông qua hạn mức tín dụng với Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	100%
35	34/2023/VIX/NQ-HĐQT	13/12/2023	Thông qua phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	100%
36	35/2023/VIX/NQ-HĐQT	18/12/2023	Thông qua việc tài trợ kinh phí tu bổ, tôn tạo đền thờ, chùa tại Nam Định và Hải Dương	100%
37	36/2023/VIX/NQ-HĐQT	19/12/2023	Thông qua phê duyệt phương án đầu tư cổ phiếu niêm yết	100%

Với đường lối định hướng đúng đắn về mục tiêu phát triển Công ty của HĐQT, kết hợp với sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự quyết tâm của toàn bộ các cán bộ nhân viên nên Công ty đã hoàn thành được các công việc mà ĐHCĐ giao cho, cụ thể như sau:

TT	Nội dung công việc	Thực hiện	Ghi chú kết quả thực hiện
1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông, tỷ lệ 5%	Hoàn thành 100%	Hoàn thành đợt phát hành vào ngày 02/06/2023
2	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10%	Hoàn thành 100%	Hoàn thành đợt phát hành vào ngày 02/06/2023
3	Niêm yết bổ sung cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 và cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tại HOSE	Hoàn thành 100%	Chính thức giao dịch bổ sung từ ngày 07/07/2023

TT	Nội dung công việc	Thực hiện	Ghi chú kết quả thực hiện
4	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	Hoàn thành 100%	Công ty trách nhiệm hữu hạn ERNST & YOUNG Việt Nam Chi nhánh Hà Nội
5	Kết quả kinh doanh năm 2023	Hoàn thành 105%	LNST đạt 966,4 tỷ đồng/kế hoạch 920 tỷ đồng (là kế hoạch đã được điều chỉnh tăng 70,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023)

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty có hai thành viên HĐQT độc lập. Thành viên HĐQT độc lập ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và thực hiện giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban điều hành.

Theo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập: HĐQT đã thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật. HĐQT đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, tuân thủ Điều lệ, pháp luật và các quy định nội bộ khác, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các kiến nghị để phát triển hoạt động, quản trị Công ty.

Công ty không có các tiểu ban trong HĐQT.

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

Không có

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Năm 2023, Ban kiểm soát (BKS) duy trì số lượng 03 thành viên (bao gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên) đảm bảo đáp ứng yêu cầu về cơ cấu nhân sự của BKS.

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban Kiểm soát	0%
2	Trần Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát	0%
3	Nguyễn Thị Duyên	Thành viên Ban kiểm soát	0%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2023, BKS đã tiến hành 03 cuộc họp nhằm: thống nhất Báo cáo của BKS trình Đại hội cổ

đồng thường niên năm 2023; phân công công việc và chi trả thù lao BKS; họp đánh giá hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm.

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ	03/03	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Duyên	03/03	100%	
3	Bà Trần Hồng Vân	02/03	67%	Được bầu vào BKS từ ngày 15/04/2023
4	Bà: Ngô Thị Hồng Duyên	01/03	33%	Từ nhiệm ngày 10/02/2023

Trong kỳ, BKS đã thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định pháp luật, điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong quá trình thực hiện công việc, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

➤ **Công tác giám sát đối với HĐQT:**

- HĐQT đã tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật có liên quan. HĐQT đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và Nghị quyết thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023, giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định nói trên trong quá trình quản trị, điều hành Công ty.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động của Công ty theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- BKS đánh giá cao về năng lực, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nhất trí trong quá trình thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty.

➤ **Công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:**

- Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bám sát các mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2023 và tiến hành các giải pháp phù hợp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2023 đã đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ, rà soát đánh giá tình hình điều hành Công ty.
- Về việc lập Báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy của pháp luật có liên quan.
- Năm 2023 thị trường tài chính có nhiều thách thức khó khăn, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã nhanh chóng tổ chức bộ máy hoạt động điều hành của Công ty đảm bảo được thông suốt, Ban Tổng Giám đốc nỗ lực tìm kiếm các nhân sự cấp cao, triển khai các biện pháp luân chuyển cán bộ, nhân viên hợp lý đồng thời duy trì môi trường làm việc năng động, phát huy các hoạt động tôn vinh truyền thống và văn hoá Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Trong năm 2023, các khoản lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (VND)
I	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>2.985.776.397</b>
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	37.142.857
2	Thái Hoàng Long	Chủ tịch HĐQT	1.812.380.952
3	Trương Ngọc Lân	Thành viên HĐQT	82.380.952
4	Nguyễn Thị Tuyết	Phó Chủ tịch HĐQT	304.347.826
5	Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000
7	Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	509.523.810
II	<b>Ban Giám đốc</b>		<b>5.663.788.095</b>
1	Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc	-
2	Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	3.746.000.000
3	Thái Hoàng Long	Phó tổng giám đốc	830.638.095
4	Đỗ Ngọc Đĩnh	Phó tổng giám đốc	1.087.150.000
III	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>137.422.360</b>
1	Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng BKS	72.000.000
2	Nguyễn Thị Duyên	Thành viên BKS	36.000.000
3	Trần Hồng Vân	Thành viên BKS	24.857.143
4	Ngô Thị Hồng Duyên	Thành viên BKS	4.565.217

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023)

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

Bảng: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan (đối với VIX) năm 2023, cụ thể như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	199.780	0,034%	229.747	0,034%	cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT	307.669	0,053%	358.818	0,053%	
Đỗ Ngọc Đĩnh	Phó Tổng giám đốc	2.153	0,0004%	2.475	0,0004%	

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ.

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.



**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2023)

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được Công ty công bố tại trang web của VIX theo đường dẫn sau:

<https://vixs.vn/bao-cao>

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 được nêu chi tiết tại phụ lục đính kèm báo cáo này.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC *Gim*  
**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
VIX**  
Q. HAI BÀ TRUNG - T.P. HÀ NỘI  
*Trương Ngọc Lân*  
TRƯƠNG NGỌC LÂN

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023**  
*(đính kèm báo cáo thường niên 2023)*



# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023





# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên Phụ trách HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021 Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021 Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Ngô Thị Hồng Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Đỗ Ngọc Đĩnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Ngọc Lâm, chức danh Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Trương Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

Số tham chiếu: 11542654/E-66979513

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (“Công ty”), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

  
Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.041.916.205.385</b>	<b>8.120.725.819.241</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>9.040.954.798.684</b>	<b>8.120.406.137.598</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	139.539.567.122	1.349.906.924.794
111.1	1.1. Tiền		139.539.567.122	1.349.906.924.794
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	5.791.236.720.624	4.892.226.747.288
114	3. Các khoản cho vay	7.2	3.008.028.333.232	1.793.853.654.808
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.3	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)
117	5. Các khoản phải thu	8	101.761.823.485	85.328.650.661
117.1	5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		36.042.935.000	-
117.2	5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		65.718.888.485	85.328.650.661
117.4	5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		65.718.888.485	85.328.650.661
118	6. Trả trước cho người bán	8	1.013.582.600	216.512.500
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	15.097.042.733	14.488.874.185
122	8. Các khoản phải thu khác	8	203.236.387	310.620.558
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(13.191.102.059)	(13.191.441.756)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>961.406.701</b>	<b>319.681.643</b>
131	1. Tạm ứng		346.000.000	30.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		30.987.450	32.614.722
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	529.671.263	257.066.921
136	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	54.747.988	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>44.895.623.168</b>	<b>27.343.794.799</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
212	1. Các khoản đầu tư	9	1.500.000.000	1.500.000.000
212.4	1.1. Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>24.076.066.040</b>	<b>3.500.084.053</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.529.773.118	3.060.994.052
222	1.1. Nguyên giá		26.857.739.816	19.695.268.759
223	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.327.966.698)	(16.634.274.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.546.292.922	439.090.001
228	2.1. Nguyên giá		23.930.081.371	12.452.656.371
229	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(12.383.788.449)	(12.013.566.370)
<b>250</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.319.557.128</b>	<b>22.343.710.746</b>
251	1. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		725.362.280	725.362.280
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	705.654.556	507.541.971
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	-	5.722.335.021
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	17.888.540.292	15.388.471.474
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.086.811.828.553</b>	<b>8.148.069.614.040</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>257.314.667.846</b>	<b>284.995.914.812</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>186.613.270.147</b>	<b>284.848.411.475</b>
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	2.337.541.309	4.529.071.720
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	110.460.000.000	264.840.000.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	66.947.111.609	11.010.976.759
323	4. Phải trả người lao động		4.708.865.034	3.636.890.034
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.708.973.031	422.793.140
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	450.779.164	408.679.822
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>70.701.397.699</b>	<b>147.503.337</b>
347	1. Phải trả người bán dài hạn	15	147.503.337	147.503.337
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	70.553.894.362	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.829.497.160.707</b>	<b>7.863.073.699.228</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>8.829.497.160.707</b>	<b>7.863.073.699.228</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.3	7.485.352.975.000	7.194.365.835.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.694.447.250.000	5.821.391.890.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		6.694.447.250.000	5.821.391.890.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		790.905.725.000	1.372.973.945.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.3	84.018.478.276	84.018.478.276
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.3	86.480.740.231	86.480.740.231
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	20.3	2.462.261.955	2.462.261.955
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	20.4	1.171.182.705.245	495.746.383.766
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		888.967.127.799	518.635.723.854
417.2	5.2 Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		282.215.577.446	(22.889.340.088)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.086.811.828.553</b>	<b>8.148.069.614.040</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>	<b>21</b>		
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)		669.444.725	582.139.189
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSDC") của CTCK (VND)	21.1	1.837.880.470.000	973.375.680.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	21.2	117.312.000.000	-
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	21.3	-	114.000.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	21.4	923.050.000.000	2.045.781.240.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	21.5	10.241.430.390.000	7.975.871.450.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		7.940.142.390.000	6.394.823.000.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		150.000	94.350.150.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		2.192.153.150.000	1.380.085.150.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		70.000	70.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		109.134.630.000	106.613.080.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	21.6	227.860.890.000	40.357.540.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		227.860.890.000	2.316.070.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	38.041.470.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>			
026	Tiền gửi của khách hàng (VND)	21.7	327.296.394.204	407.079.236.542
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.7	327.169.929.010	406.953.083.908
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng (VND)	21.7	789.695	788.119
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)	21.7	125.675.499	125.364.515
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước (VND)		4.653.648	4.583.789
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài (VND)		121.021.851	120.780.726
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.8	327.296.394.204	407.079.236.542
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		326.594.139.882	406.381.900.986
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		702.254.322	697.335.556

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai  
 Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
 Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Ông Trương Ngọc Lân  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.070.230.837.086	766.729.920.335
1.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	424.445.814.590	268.926.712.836
1.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	547.506.846.244	234.747.155.966
1.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	98.278.176.252	263.056.051.533
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.4	198.000.000.000	-
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.4	247.690.155.398	187.947.499.552
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	86.349.460.817	155.246.032.483
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23	17.940.000.000	69.495.000.000
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23	3.625.645.763	3.205.938.168
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23	120.000.000	4.824.303.025
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>1.623.956.099.064</b>	<b>1.187.448.693.563</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		300.553.991.779	626.834.206.840
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	133.442.792.452	271.010.428.162
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	166.125.699.327	355.823.778.678
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	22.2	985.500.000	-
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh	25	35.899.727.488	36.910.005.891
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26	47.730.189.620	82.569.909.861
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26	6.427.563.158	5.560.300.782
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	26	1.779.044.668	1.958.951.466
32	6. Chi phí hoạt động khác	26	1.198.276.992	989.991.830
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>393.588.793.705</b>	<b>754.823.366.670</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	24	6.457.595.911	7.591.784.577
<b>50</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>6.457.595.911</b>	<b>7.591.784.577</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
52	1. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	27	-	37.920.330.630
<b>60</b>	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>-</b>	<b>37.920.330.630</b>
<b>62</b>	<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>28</b>	<b>38.627.206.064</b>	<b>25.969.856.306</b>
<b>70</b>	<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>1.198.197.695.206</b>	<b>376.326.924.534</b>
	<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>29</b>		
71	1. Thu nhập khác		2.322.570.614	6.802.875
72	2. Chi phí khác		1.659.081.564	13
<b>80</b>	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>663.489.050</b>	<b>6.802.862</b>
<b>90</b>	<b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>1.198.861.184.256</b>	<b>376.333.727.396</b>
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		817.480.037.339	497.410.350.108
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		381.381.146.917	(121.076.622.712)
<b>100</b>	<b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>	<b>30</b>	<b>232.437.722.777</b>	<b>64.348.343.525</b>
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	156.161.493.394	88.563.668.067
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.2	76.276.229.383	(24.215.324.542)
<b>200</b>	<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>966.423.461.479</b>	<b>311.985.383.871</b>
<b>400</b>	<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b>		<b>966.423.461.479</b>	<b>311.985.383.871</b>
<b>501</b>	<b>LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>31</b>	<b>1.444</b>	<b>521</b>

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai  
Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng



Người phê duyệt



Ông Trương Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN</b>		<b>1.198.861.184.256</b>	<b>376.333.727.396</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>(350.395.530.609)</b>	<b>(78.177.442.359)</b>
03	Khấu hao TSCĐ		1.954.673.854	972.926.297
04	Các khoản dự phòng		(339.697)	(6.115.560)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	27	-	37.920.330.630
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.381.533.116)	(7.591.784.577)
08	Dự thu tiền lãi		(345.968.331.650)	(109.472.799.149)
10	<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>166.125.699.327</b>	<b>355.823.778.678</b>
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	22.2	166.125.699.327	355.823.778.678
18	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(547.506.846.244)</b>	<b>(234.747.155.966)</b>
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(547.506.846.244)	(234.747.155.966)
30	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>467.084.506.730</b>	<b>419.232.907.749</b>
31	(Tăng) tài sản tài chính FVTPL		(517.628.826.419)	(3.412.852.997.537)
33	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay		(1.214.174.678.424)	1.196.323.084.017
35	Giảm/(Tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		(36.042.935.000)	-
36	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính đã nhận		365.578.093.826	57.782.291.863
37	(Tăng)/Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(608.168.548)	698.409.606
39	Giảm các khoản phải thu khác		4.267.909.982	12.973.495.258
40	(Tăng) các tài sản khác		(369.120.716)	(142.898.668)
41	Tăng/(Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.286.179.891	(41.313.422)
42	Tăng chi phí trả trước		(470.716.927)	(12.831.937)
43	Thuế TNDN đã nộp	30.1	(95.746.852.009)	(130.897.337.643)
44	Lãi vay đã trả		-	(70.515.237.823)
45	(Giảm)/Tăng phải trả cho người bán		(154.380.000.000)	264.790.000.000
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(4.478.506.535)	(2.621.526.616)
48	Tăng phải trả người lao động		1.071.975.000	306.000.000
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(2.149.431.069)	(1.925.779.408)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.500.068.818)	(2.499.931.182)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.189.260.639.036)</b>	<b>(1.669.403.665.743)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(23.874.386.818)	(2.021.031.615)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		1.267.668.182	-
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.106.718.636)</b>	<b>(521.031.615)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.118.927.335.000
73	Tiền vay gốc		-	750.000.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.600.000.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		-	(329.514.274.800)
80	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>2.939.413.060.200</b>
90	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(1.210.367.357.672)</b>	<b>1.269.488.362.842</b>
101	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	5	<b>1.349.906.924.794</b>	<b>80.418.561.952</b>
101.1	Tiền		1.349.906.924.794	80.418.561.952
103	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	5	<b>139.539.567.122</b>	<b>1.349.906.924.794</b>
103.1	Tiền		139.539.567.122	1.349.906.924.794

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		36.448.861.393.490	65.055.912.863.017
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(36.448.861.080.930)	(65.055.910.534.640)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		37.933.306.708.694	77.468.739.099.210
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(38.013.089.863.592)	(78.465.791.298.828)
20	<b>Giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>(79.782.842.338)</b>	<b>(997.049.871.241)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>407.079.236.542</b>	<b>1.404.129.107.783</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		406.953.083.908	1.404.005.283.526
	Trong đó có kỳ hạn:			
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		788.119	1.050.117
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.364.515	122.774.140

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		<b>327.296.394.204</b>	<b>407.079.236.542</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		327.169.929.010	406.953.083.908
43	Trong đó có kỳ hạn			
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		789.695	788.119
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.675.499	125.364.515

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai  
Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Ông Trương Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.745.951.190.000	7.194.365.835.000	4.448.414.645.000	-	873.055.360.000	(582.068.220.000)	7.194.365.835.000	7.485.352.975.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.745.952.290.000	5.821.391.890.000	3.075.439.600.000	-	873.055.360.000	-	5.821.391.890.000	6.694.447.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		(1.100.000)	1.372.973.945.000	1.372.975.045.000	-	-	(582.068.220.000)	1.372.973.945.000	790.905.725.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		84.018.478.276	84.018.478.276	-	-	-	-	84.018.478.276	84.018.478.276
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		86.480.740.231	86.480.740.231	-	-	-	-	86.480.740.231	86.480.740.231
4. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	-	2.462.261.955	2.462.261.955

# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B04-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		842.762.584.695	495.746.383.766	408.846.682.041	(755.862.882.970)	966.423.461.479	(290.987.140.000)	495.746.383.766	1.171.182.705.245
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		768.790.626.613	518.635.723.854	408.846.682.041	(659.001.584.800)	661.318.543.945	(290.987.140.000)	518.635.723.854	888.967.127.799
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		73.971.958.082	(22.889.340.088)	-	(96.861.298.170)	305.104.917.534	-	(22.889.340.088)	282.215.577.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20</b>	<b>3.761.675.255.157</b>	<b>7.863.073.699.228</b>	<b>4.857.261.327.041</b>	<b>(755.862.882.970)</b>	<b>1.839.478.821.479</b>	<b>(873.055.360.000)</b>	<b>7.863.073.699.228</b>	<b>8.829.497.160.707</b>

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai  
Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 52 người).

**Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**

*Quy mô vốn*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty 6.694.447.250.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.821.391.890.000 VND).

*Mục tiêu đầu tư*

Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất trên thị trường Việt Nam. Công ty luôn nỗ lực xây dựng niềm tin bền vững, nhằm mang lại những giá trị và lợi ích cao nhất cho các khách hàng, đối tác, và cộng đồng, cho các cổ đông và từng nhân viên của Công ty.

*Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)***

*Hạn chế đầu tư (tiếp theo)*

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

**2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

##### 4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay bao gồm:

- ▶ Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- ▶ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (02) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.4 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

- ▶ Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày đánh giá nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán, sẽ là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên quy định nội bộ của Công ty và theo pháp luật.

Giá quy định nội bộ của Công ty là giá trị trung bình dựa trên báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán, sẽ sử dụng giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính.

##### 4.5 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.5 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)**

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

**4.6 *Phân loại lại tài sản tài chính***

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

**4.7 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn***

*Đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối mỗi kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

**4.9 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

**4.10 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	4 - 5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.11 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.13 Các khoản vay và phát hành trái phiếu**

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

**4.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.15 Lợi ích của nhân viên**

**4.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**4.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

**4.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**4.18 Chi phí tiền lãi**

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

**4.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

**4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4.21 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

*Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.21 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

*Các quỹ*

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**4.22 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4.24 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	139.506.558.821	1.349.894.008.564
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	33.008.301	12.916.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.539.567.122</b>	<b>1.349.906.924.794</b>

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
<b>Của Công ty</b>	<b>378.999.593</b>	<b>11.757.321.205.458</b>
- Cổ phiếu	378.971.706	8.689.741.523.500
- Trái phiếu	27.867	2.865.619.991.668
- Chứng khoán khác	20	201.959.690.290
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>2.753.027.135</b>	<b>58.492.000.455.740</b>
- Cổ phiếu	2.750.069.735	58.490.370.822.740
- Chứng khoán khác	2.957.400	1.629.633.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.132.026.728</b>	<b>70.249.321.661.198</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### Một số khái niệm về tài sản tài chính

#### *Giá gốc*

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

#### *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường*

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

#### *Giá trị phân bổ*

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ*

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>3.390.659.277.715</b>	<b>3.631.488.438.170</b>	<b>2.507.532.397.511</b>	<b>2.272.177.540.040</b>
EIB	1.178.982.997.479	1.144.039.704.800	840.000.000.000	838.500.000.000
VGC	-	-	291.295.708.577	210.244.112.000
NVL	705.734.286.912	723.772.500.000	289.825.946.189	252.796.292.000
GEX	773.420.657.131	921.093.840.000	443.282.275.000	311.657.880.000
Cổ phiếu niêm yết khác	732.521.336.193	842.582.393.370	643.128.467.745	658.979.256.040
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>1.326.285.733.065</b>	<b>1.438.226.044.417</b>	<b>672.201.635.556</b>	<b>878.944.817.917</b>
GEE	136.679.140.000	131.154.800.000	-	-
TBD	11.952.874.509	11.615.792.500	-	-
VAV	2.042.408.074	3.160.920.000	2.042.408.074	2.172.600.000
HEM	-	-	11.382.917.000	22.607.048.100
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	518.600.000.000	635.285.000.000	520.000.000.000	715.390.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	-	-	138.765.000.000	138.765.000.000
SEA (*)	657.000.000.000	657.000.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	11.310.482	9.531.917	11.310.482	10.169.817
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>721.522.238.037</b>	<b>721.522.238.037</b>	<b>1.741.104.389.331</b>	<b>1.741.104.389.331</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.438.467.248.817</b>	<b>5.791.236.720.624</b>	<b>4.920.838.422.398</b>	<b>4.892.226.747.288</b>

(\*) Cổ phiếu Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP - Ủy thác đầu tư qua Công ty cổ phần Quản lý quỹ HD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7.2 Các khoản cho vay**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (*)	3.002.713.517.349	2.999.979.111.909	1.677.778.935.700	1.675.044.530.260
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (**)	5.314.815.883	5.314.815.883	116.074.719.108	116.074.719.108
<b>Tổng</b>	<b>3.008.028.333.232</b>	<b>3.005.293.927.792</b>	<b>1.793.853.654.808</b>	<b>1.791.119.249.368</b>

(\*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.

(\*\*) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(\*\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**7.3 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	2.734.405.440	2.734.405.440
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.734.405.440	2.734.405.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7.4 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính**

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính như sau:

Các loại tài sản tài chính	31/12/2023				31/12/2022			
	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>FVTPL</b>								
Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	294.821.262.952	(53.992.102.497)	3.631.488.438.170	2.507.532.397.511	29.495.398.546	(264.850.256.017)	2.272.177.540.040
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.326.285.733.065	117.804.033.726	(5.863.722.374)	1.438.226.044.417	672.201.635.556	206.744.946.026	(1.763.665)	878.944.817.917
Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	-	-	721.522.238.037	1.741.104.389.331	-	-	1.741.104.389.331
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.438.467.248.817</b>	<b>412.625.296.678</b>	<b>(59.855.824.871)</b>	<b>5.791.236.720.624</b>	<b>4.920.838.422.398</b>	<b>236.240.344.572</b>	<b>(264.852.019.682)</b>	<b>4.892.226.747.288</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	36.042.935.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	65.718.888.485	85.328.650.661
Trả trước cho người bán	1.013.582.600	216.512.500
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15.097.042.733	14.488.874.185
<i>Trong đó: Phải thu khó đòi</i>	<i>13.191.102.059</i>	<i>13.191.441.756</i>
Phải thu khác	203.236.387	310.620.558
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(13.191.102.059)	(13.191.441.756)
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.884.583.146</b>	<b>87.153.216.148</b>

**Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	<i>Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND</i>	<i>Số dự phòng đầu năm VND</i>	<i>Số trích lập trong năm VND</i>	<i>Số hoàn nhập/ xử lý nợ trong năm VND</i>	<i>Số dự phòng cuối năm VND</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND</i>
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	13.191.441.756	13.191.441.756	-	(339.697)	13.191.102.059	13.191.102.059
<b>Tổng</b>	<b>13.191.441.756</b>	<b>13.191.441.756</b>	<b>-</b>	<b>(339.697)</b>	<b>13.191.102.059</b>	<b>13.191.102.059</b>

Đây là các khoản dự phòng phải thu khó đòi các Khách hàng cũ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom (tên gọi trước đây của Công ty) từ năm 2014 trở về trước và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Hàng không (i)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>

(i) Đây là phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không ("ACSV").

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	13.698.437.391	4.206.985.315	964.278.339	825.567.714	19.695.268.759
Mua trong năm	7.561.175.000	4.605.181.818	-	230.605.000	12.396.961.818
Thanh lý trong năm	(3.358.585.914)	(1.527.931.615)	(347.973.232)	-	(5.234.490.761)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>17.901.026.477</u>	<u>7.284.235.518</u>	<u>616.305.107</u>	<u>1.056.172.714</u>	<u>26.857.739.816</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.590.677.773	2.372.089.591	964.278.339	707.229.004	16.634.274.707
Khấu hao trong năm	1.010.361.423	411.255.200	-	162.835.152	1.584.451.775
Thanh lý trong năm	(3.358.585.914)	(184.200.638)	(347.973.232)	-	(3.890.759.784)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>10.242.453.282</u>	<u>2.599.144.153</u>	<u>616.305.107</u>	<u>870.064.156</u>	<u>14.327.966.698</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1.107.759.618</u>	<u>1.834.895.724</u>	<u>-</u>	<u>118.338.710</u>	<u>3.060.994.052</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>7.658.573.195</u>	<u>4.685.091.365</u>	<u>-</u>	<u>186.108.558</u>	<u>12.529.773.118</u>

**Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:**

	<u>31/12/2023 VND</u>	<u>31/12/2022 VND</u>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>9.246.376.371</u>	<u>12.952.935.517</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm máy tính</i>	
	<u>VND</u>	
<b>Nguyên giá</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022		12.452.656.371
Mua trong năm		<u>11.477.425.000</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		<u>23.930.081.371</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022		12.013.566.370
Hao mòn trong năm		<u>370.222.079</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		<u>12.383.788.449</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022		<u>439.090.001</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		<u>11.546.292.922</u>
<b>Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:</b>		
	<i>31/12/2023</i>	<i>31/12/2022</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>11.990.456.371</u>	<u>11.990.456.371</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>31/12/2023</i>	<i>31/12/2022</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>529.671.263</b>	<b>257.066.921</b>
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ ngắn hạn	61.042.930	63.502.597
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	468.628.333	193.564.324
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>705.654.556</b>	<b>507.541.971</b>
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ dài hạn	443.056.535	436.431.699
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>262.598.021</u>	<u>71.110.272</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.235.325.819</u></b>	<b><u>764.608.892</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.099.231.444	11.255.659.836
Tiền lãi phân bổ	4.669.308.848	4.012.811.638
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.888.540.292</b>	<b>15.388.471.474</b>

**14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (phí giao dịch chứng khoán)	1.961.965.939	4.224.140.387
Phải trả VSDC (phí lưu ký, phí chuyển khoản)	375.575.370	304.931.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.337.541.309</b>	<b>4.529.071.720</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>110.460.000.000</b>	<b>264.840.000.000</b>
Phải trả về mua tài sản tài chính	110.460.000.000	264.840.000.000
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>147.503.337</b>	<b>147.503.337</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.607.503.337</b>	<b>264.987.503.337</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Phải thu</b>		
Thuế GTGT	54.747.988	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.747.988</b>	<b>-</b>

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Phải nộp</b>		
Thuế GTGT	-	10.438.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	62.602.741.750	3.242.663.098
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ khách hàng ("TNCN – KH")	3.457.501.129	6.846.655.114
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ nhân viên ("TNCN – NV")	886.868.730	911.220.173
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.947.111.609</b>	<b>11.010.976.759</b>

Biến động thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước trong năm:

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Tăng	Giảm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	10.438.374	218.278.914	283.465.276	-	54.747.988
Thuế TNDN	3.242.663.098	156.161.493.394	96.801.414.742	62.602.741.750	-
Thuế TNCN – KH	6.846.655.114	37.187.185.455	40.576.339.440	3.457.501.129	-
Thuế TNCN – NV	911.220.173	9.177.513.389	9.201.864.832	886.868.730	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.010.976.759</b>	<b>202.747.471.152</b>	<b>146.866.084.290</b>	<b>66.947.111.609</b>	<b>54.747.988</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí phải trả khác	1.708.973.031	422.793.140
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.708.973.031</b>	<b>422.793.140</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả thù lao HĐQT và BKS	12.916.817	12.916.817
Phải trả khác	437.862.347	395.763.005
<b>Tổng cộng</b>	<b>450.779.164</b>	<b>408.679.822</b>

**19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(5.722.335.021)</b>	<b>18.492.989.521</b>
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	76.276.229.383	(24.215.324.542)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.553.894.362</b>	<b>(5.722.335.021)</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Nguyễn Thị Tuyết	34.553.431	5,16
Các cổ đông khác	634.891.294	94,84
<b>Tổng cộng</b>	<b>669.444.725</b>	<b>100</b>

**20.2 Cổ phiếu**

Đơn vị tính: cổ phiếu

	31/12/2023	31/12/2022
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>669.444.725</b>	<b>582.139.189</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>669.444.725</b>	<b>582.139.189</b>
- Cổ phiếu phổ thông	669.444.725	582.139.189
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>669.444.725</b>	<b>582.139.189</b>
- Cổ phiếu phổ thông	669.444.725	582.139.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.3 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.821.391.890.000</b>	<b>1.372.973.945.000</b>	<b>84.018.478.276</b>	<b>86.480.740.231</b>	<b>2.462.261.955</b>	<b>495.746.383.766</b>	<b>7.863.073.699.228</b>
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm	582.068.220.000	(582.068.220.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	966.423.461.479	966.423.461.479
Trả cổ tức	290.987.140.000	-	-	-	-	(290.987.140.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.694.447.250.000</b>	<b>790.905.725.000</b>	<b>84.018.478.276</b>	<b>86.480.740.231</b>	<b>2.462.261.955</b>	<b>1.171.182.705.245</b>	<b>8.829.497.160.707</b>

**20.4 Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	888.967.127.799	518.635.723.854
Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	282.215.577.446	(22.889.340.088)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.171.182.705.245</b>	<b>495.746.383.766</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**21.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSDC") của CTCK**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.837.880.470.000	973.375.680.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.837.880.470.000</b>	<b>973.375.680.000</b>

**21.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>117.312.000.000</b>	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	117.312.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.312.000.000</b>	-

**21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính chờ thanh toán của CTCK	-	114.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>114.000.000.000</b>

**21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trái phiếu	661.500.000.000	1.737.900.000.000
Cổ phiếu	261.550.000.000	307.881.240.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>923.050.000.000</b>	<b>2.045.781.240.000</b>

**21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.940.142.390.000	6.394.823.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	150.000	94.350.150.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.192.153.150.000	1.380.085.150.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000	70.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	109.134.630.000	106.613.080.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.241.430.390.000</b>	<b>7.975.871.450.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	227.860.890.000	2.316.070.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	38.041.470.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>227.860.890.000</b>	<b>40.357.540.000</b>

**21.7 Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	327.169.929.010	406.953.083.908
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	326.588.696.539	406.822.239.977
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	581.232.471	130.843.931
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	789.695	788.119
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	125.675.499	125.364.515
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	4.653.648	4.583.789
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	121.021.851	120.780.726
<b>Tổng cộng</b>	<b>327.296.394.204</b>	<b>407.079.236.542</b>

**21.8 Phải trả Nhà đầu tư**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	327.296.394.204	407.079.236.542
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	326.594.139.882	406.381.900.986
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	702.254.322	697.335.556
<b>Tổng cộng</b>	<b>327.296.394.204</b>	<b>407.079.236.542</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL**

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán Đơn vị</i>	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán năm nay VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán năm trước VND</i>
<b>I</b>	<b>LÃI BÁN</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	101.571.100	2.071.243.195.000	1.747.354.935.767	323.888.259.233	168.596.316.337
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	9.531.188	541.146.983.000	495.026.654.491	46.120.328.509	1.951.235.950
3	Chứng chỉ tiền gửi	10	101.375.163.230	100.584.527.060	790.636.170	6.221.901.650
4	Trái phiếu niêm yết		-	-	-	4.784.324.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	12.625	1.322.624.165.780	1.268.977.575.102	53.646.590.678	87.290.825.310
6	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	82.109.589
	<b>Tổng cộng</b>	<b>111.114.923</b>	<b>4.036.389.507.010</b>	<b>3.611.943.692.420</b>	<b>424.445.814.590</b>	<b>268.926.712.836</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
<b>II</b>	<b>LỖ BÁN</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	46.161.018	1.144.103.633.300	1.266.621.500.878	(122.517.867.578)	(191.882.719.155)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	286.130	7.296.315.000	8.780.528.351	(1.484.213.351)	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	(13.100.000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	3.348	334.800.000.000	344.240.711.523	(9.440.711.523)	(79.114.609.007)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.450.496</b>	<b>1.486.199.948.300</b>	<b>1.619.642.740.752</b>	<b>(133.442.792.452)</b>	<b>(271.010.428.162)</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 22.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
<b>I</b>	<b>Loại FVTPL</b>							
1	Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	3.631.488.438.170	240.829.160.455	(235.354.857.471)	476.184.017.926	546.518.526.244	(70.334.508.318)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.326.285.733.065	1.438.226.044.417	111.940.311.352	206.743.182.361	(94.802.871.009)	988.320.000	(95.791.191.009)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	721.522.238.037	-	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.438.467.248.817</b>	<b>5.791.236.720.624</b>	<b>352.769.471.807</b>	<b>(28.611.675.110)</b>	<b>381.381.146.917</b>	<b>547.506.846.244</b>	<b>(166.125.699.327)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	37.731.756.700	53.690.452.300
Trái tức	60.546.419.552	209.365.599.233
<b>Tổng cộng</b>	<b>98.278.176.252</b>	<b>263.056.051.533</b>

**22.4 Tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	198.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	242.912.215.456	173.170.851.282
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	4.777.939.942	14.776.648.270
<b>Tổng cộng</b>	<b>445.690.155.398</b>	<b>187.947.499.552</b>

**23. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hoạt động môi giới chứng khoán	86.349.460.817	155.246.032.483
Thu nhập nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	17.940.000.000	69.495.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập Đại lý phát hành chứng khoán	17.940.000.000	69.495.000.000
Thu nhập nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.625.645.763	3.205.938.168
<i>Trong đó:</i>		
- Phí lưu ký, chuyển khoản chứng khoán cho khách hàng	3.613.723.815	3.188.251.048
- Thu nhập lưu ký tài sản tài chính khác	11.921.948	17.687.120
Thu nhập hoạt động tư vấn tài chính	120.000.000	4.824.303.025
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.035.106.580</b>	<b>232.771.273.676</b>

**24. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu, dự thu cổ tức, phát sinh trong năm	1.200.000.000	1.800.000.000
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.257.595.911	5.791.784.577
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.457.595.911</b>	<b>7.591.784.577</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí giao dịch TSTC tự doanh	2.117.223.060	2.376.680.993
Chi phí tiền lương	1.610.726.543	1.096.450.337
Phí lưu ký TSTC tự doanh	440.041.615	94.963.222
Phí quản lý danh mục	301.272.492	9.732.544
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	114.680.000	91.795.000
Chi phí khác	31.315.783.778	33.240.383.795
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.899.727.488</b>	<b>36.910.005.891</b>

**26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	47.730.189.620	82.569.909.861
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.779.044.668	1.958.951.466
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.427.563.158	5.560.300.782
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	1.198.276.992	989.991.830
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.135.074.438</b>	<b>91.079.153.939</b>

**Chi tiết chi phí hoạt động theo khoản mục chi phí**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí môi giới chứng khoán	41.375.636.571	75.489.294.053
Chi phí hoạt động lưu ký	3.555.085.181	3.055.026.060
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.787.124.076	8.725.893.796
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	634.735.000	583.170.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.989.528	35.111.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.949.498	23.109.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.293.324.470	3.004.664.457
Chi phí khác	262.230.114	162.884.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.135.074.438</b>	<b>91.079.153.939</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	27.498.111.875
Chi phí lãi vay ngắn hạn	-	10.422.218.755
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>37.920.330.630</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	15.049.666.170	10.002.526.959
Chi phí bảo hiểm theo lương	597.370.000	413.835.000
Chi phí vật tư văn phòng	63.463.924	84.316.825
Chi phí công cụ, dụng cụ	333.256.613	600.519.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.826.300.822	949.816.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.396.326.893	6.257.045.501
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.241.918.608	4.783.276.983
Chi phí khác	4.118.903.034	2.878.519.722
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.627.206.064</b>	<b>25.969.856.306</b>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.322.570.614</b>	<b>6.802.875</b>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.267.668.182	-
Thu nhập khác	1.054.902.432	6.802.875
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.659.081.564</b>	<b>13</b>
Chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.343.730.977	-
Chi phí khác	315.350.587	13
<b>Tổng cộng</b>	<b>663.489.050</b>	<b>6.802.862</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2022: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>1.198.861.184.256</b>	<b>376.333.727.396</b>
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	168.684.885.655	356.605.778.678
- Chi phí không được khấu trừ	2.559.186.328	782.000.000
- Chênh lệch giảm đánh giá lại FVTPL	166.125.699.327	355.823.778.678
Các khoản điều chỉnh giảm	586.438.602.944	289.937.608.266
- Thu nhập không chịu thuế	38.931.756.700	55.190.452.300
- Chênh lệch tăng đánh giá lại FVTPL	547.506.846.244	234.747.155.966
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>781.107.466.967</b>	<b>443.001.897.808</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>156.221.493.394</b>	<b>88.600.379.562</b>
Điều chỉnh khác	(60.000.000)	(36.711.495)
<b>Thuế TNDN – phải nộp đầu năm</b>	<b>3.242.663.098</b>	<b>45.576.332.674</b>
Thuế TNDN – đã trả trong năm	96.801.414.742	130.897.337.643
<b>Thuế TNDN – phải trả cuối năm</b>	<b>62.602.741.750</b>	<b>3.242.663.098</b>

**30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	(Tài sản thuế TNDN hoãn lại)/ Thuế TNDN hoãn lại phải trả		Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	70.553.894.362	(5.722.335.021)	76.276.229.383	(24.215.324.542)

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
<b>(Tài sản thuế thu nhập hoãn lại)/Thuế TNDN hoãn lại phải trả đầu năm</b>	<b>(5.722.335.021)</b>	<b>18.492.989.521</b>
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế Trong đó		
- <i>Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ</i>	<i>547.506.846.244</i>	<i>234.747.155.966</i>
- <i>Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ</i>	<i>(166.125.699.327)</i>	<i>(355.823.778.678)</i>
Thuế suất tính thuế TNDN hoãn lại trong năm hiện hành	<u>20%</u>	<u>20%</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	<u>76.276.229.383</u>	<u>(24.215.324.542)</u>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả/(Tài sản thuế thu nhập hoãn lại) cuối năm</b>	<b><u>70.553.894.362</u></b>	<b><u>(5.722.335.021)</u></b>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	966.423.461.479	311.985.383.871
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	<u>669.444.725</u>	<u>598.656.893</u>
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)</b>	<b><u>1.444</u></b>	<b><u>521</u></b>

(\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 được điều chỉnh cho mục đích so sánh do trong năm 2023, Công ty tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn và trả cổ tức.



**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>2.985.776.397</b>	<b>1.503.478.261</b>
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch HĐQT	1.812.380.952	-
Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên HĐQT	82.380.952	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	37.142.857	376.521.739
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	304.347.826	706.956.522
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	509.523.810	180.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>137.422.360</b>	<b>144.000.000</b>
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>5.663.788.095</b>	<b>3.629.523.810</b>
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	-	1.618.571.429
Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	3.746.000.000	679.047.619
Ông Thái Hoàng Long	Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)	830.638.095	481.904.762
Ông Đỗ Ngọc Đỉnh	Phó tổng giám đốc	1.087.150.000	850.000.000

**33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Đến 1 năm	2.626.673.160	2.658.627.960
Trên 1 – 5 năm	10.394.492.640	10.394.492.640
Trên 5 năm	4.980.694.390	6.280.005.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.001.860.190</u></b>	<b><u>19.333.126.570</u></b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 34.1 Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Năm 2023</b>					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	337.665.261.978	1.274.688.432.997	18.060.000.000	2.322.570.614	1.632.736.265.589
2. Các chi phí trực tiếp	54.157.752.778	336.453.719.267	1.779.044.668	2.857.358.556	395.247.875.269
3. Các chi phí phân bổ	7.988.470.600	30.156.525.464	427.262.722	54.947.278	38.627.206.064
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>275.519.038.600</b>	<b>908.078.188.266</b>	<b>15.853.692.610</b>	<b>(589.735.220)</b>	<b>1.198.861.184.256</b>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>					
1. Tài sản bộ phận	3.005.293.927.792	5.829.793.238.224	-	725.362.280	8.835.812.528.296
2. Tài sản phân bổ	51.909.023.070	195.956.880.159	2.776.350.019	357.047.009	250.999.300.257
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.057.202.950.862</b>	<b>6.025.750.118.383</b>	<b>2.776.350.019</b>	<b>1.082.409.289</b>	<b>9.086.811.828.553</b>
3. Nợ phải trả bộ phận	2.337.541.309	181.013.894.362	-	-	183.351.435.671
4. Nợ phân bổ	15.296.294.139	57.743.604.100	818.121.090	105.212.846	73.963.232.175
<b>Tổng công nợ</b>	<b>17.633.835.448</b>	<b>238.757.498.462</b>	<b>818.121.090</b>	<b>105.212.846</b>	<b>257.314.667.846</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**34.1 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý***

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

**34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty không có số dư ngoại tệ cuối năm và không có phát sinh nghiệp vụ mua bán hàng hóa bằng ngoại tệ trong năm. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không cần sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình, đồng thời Công ty cũng không cần thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 3.631.488.438.170 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.539.567.122	-	-	139.539.567.122
Các khoản cho vay	3.005.293.927.792	-	2.734.405.440	3.008.028.333.232
Các khoản phải thu	88.570.721.426	-	13.191.102.059	101.761.823.485
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15.097.042.733	-	-	15.097.042.733
Các khoản phải thu khác	203.236.387	-	-	203.236.387
Trả trước cho người bán	1.013.582.600	-	-	1.013.582.600
Tạm ứng	346.000.000	-	-	346.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	725.362.280	-	-	725.362.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.250.789.440.340</b>	<b>-</b>	<b>15.925.507.499</b>	<b>3.266.714.947.839</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	139.539.567.122	-	-	-	139.539.567.122
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	5.791.236.720.624	-	-	-	5.791.236.720.624
Các khoản cho vay (*)	2.734.405.440	-	3.005.293.927.792	-	-	3.008.028.333.232
Các khoản phải thu (*)	13.191.102.059	-	88.570.721.426	-	-	101.761.823.485
Trả trước cho người bán	-	-	1.013.582.600	-	-	1.013.582.600
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	15.097.042.733	-	-	15.097.042.733
Các khoản phải thu khác	-	-	203.236.387	-	-	203.236.387
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	17.888.540.292	-	-	17.888.540.292
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.925.507.499</b>	<b>5.930.776.287.746</b>	<b>3.129.567.051.230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.076.268.846.475</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>						
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	2.337.541.309	-	-	2.337.541.309
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	1.708.973.031	-	-	1.708.973.031
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	66.947.111.609	-	-	66.947.111.609
Phải trả, phải nộp khác	-	-	450.779.164	-	-	450.779.164
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	147.503.337	-	147.503.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>71.444.405.113</b>	<b>147.503.337</b>	<b>-</b>	<b>71.591.908.450</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>15.925.507.499</b>	<b>5.930.776.287.746</b>	<b>3.058.122.646.117</b>	<b>(147.503.337)</b>	<b>-</b>	<b>9.004.676.938.025</b>

(\*) Không tính dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai  
Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Trương Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024